

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải xi măng
Năm báo cáo: 2018

KHUNG NỘI DUNG

Mục lục	Trang
Tầm nhìn, sứ mệnh & giá trị cốt lõi	
1. Tổng quan	
1.1. Thông tin khái quát	
1.2. Lịch sử phát triển	
1.3. Giải thưởng tiêu biểu	
1.4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
1.4.1. Than, phụ gia	
1.4.2. Xi măng, Clinker	
1.4.3. Vận tải sông	
1.4.4. Bất động sản	
1.4.5. Cơ sở kinh doanh	
1.5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	
1.5.1. Cơ cấu công ty	
1.5.2. Nhân sự chủ chốt	
1.6. Định hướng phát triển	
1.6.1. Mục tiêu chủ yếu	
1.7.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	
1.7. Cơ cấu cổ đông	
2. Kết quả hoạt động năm 2018	
2.1. Kết quả kinh doanh	
2.1.1 Than	
2.1.2. Vận tải hàng hóa	
2.1.3. Bất động sản	
3. Hoạt động hỗ trợ kinh doanh	
3.1. Công nghệ thông tin	
3.1.1. Hạ tầng công nghệ	
3.1.2. Phần mềm ứng dụng	
3.2. Quản trị rủi ro	
3.2.1. Tóm tắt hệ thống quản trị rủi ro	
3.2.2. Rủi ro thời tiết	

3.2.3. Rủi ro thị trường	
3.2.4. Rủi ro pháp lý	
3.2.5. Kế hoạch quản trị rủi ro 2018	
4. Báo cáo quản trị	
4.1. Báo cáo hoạt động của BGD	
4.1.1. Hoạt động trong năm 2018	
4.1.2. Đánh giá của BGD về hoạt động công ty năm 2018	
4.1.3. Kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2018	
4.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT	
4.2.1. Hoạt động trong năm 2018	
4.2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động công ty năm 2018	
4.2.3. Kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2019	
4.3. Báo cáo hoạt động của BKS	
4.4. Các giao dịch, thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, BKS và ban điều hành	
5. Báo cáo phát triển bền vững	
5.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT về Phát triển bền vững	
5.2. Tổng quan Báo cáo phát triển bền vững	
5.2.1. Nội dung báo cáo	
5.2.2. Phạm vi báo cáo	
5.2.3. Cách xác định báo cáo	
5.2.4. Liên hệ	
5.3. Định hướng phát triển bền vững	
5.3.1. Mô hình quản trị	
5.3.2. Định hướng chiến lược	
5.4. Hoạt động phát triển bền vững năm 2018	
5.4.1. Trách nhiệm với khách hàng	
5.4.2. Trách nhiệm xã hội (CSR)	
5.4.3. Trách nhiệm với môi trường	
5.4.4. Trách nhiệm với cổ đông	
5.4.5. Trách nhiệm với xã hội	
5.4.6. Văn hóa doanh nghiệp	
6. Báo cáo tài chính	
6.1. Báo cáo tài chính	
6.2. Thuyết minh báo cáo tài chính	

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

➤ **Tầm nhìn:**

Trở thành một trong những công ty hàng đầu về cung cấp hàng hoá, dịch vụ Logistics và tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh xi măng.

➤ **Sứ mệnh:**

- Cung cấp hàng hoá và dịch vụ Logistics, tiêu thụ sản phẩm cho các công ty sản xuất, kinh doanh xi măng tốt hơn bất cứ nhà cung cấp, phân phối nào khác; Cung cấp sản phẩm nhà ở và văn phòng làm việc thoả mãn mọi yêu cầu của người tiêu dùng;
- Nâng cao các giá trị hữu ích cho các đối tác cung cấp hàng hoá, vận tải, bốc xếp khi hợp tác với công ty trên cơ sở chia sẻ rủi ro, hài hoà lợi ích để cùng nâng cao sức mạnh;
- Tạo ra môi trường làm việc nâng cao sự sáng tạo, trách nhiệm, chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên Công ty.

➤ **Giá trị cốt lõi:** Chất lượng - Hiệu quả - Tín nhiệm

1. TỔNG QUAN:

1.1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG
- Tên viết tắt: VICEMCOMATCE., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106352
- Vốn điều lệ: 311.998.250.000 đồng
- Địa chỉ: Số 21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT: Ông Lê Xuân Khôi
- Giám đốc: Ông Huỳnh Trung Hiếu
- Số điện thoại: (+84-4) 32321372; Số fax: (+84-4) 38457186
- Website: www.vtvxm.vn
- Mã cổ phiếu: VTV, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1.2. Lịch sử phát triển:

- Công ty Vật tư Vận tải Xi măng là doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập trực thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo quyết định số 824/ BXD - TCCB ngày 3/12/1990 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở hợp nhất Xí nghiệp cung ứng vật tư thiết bị xi măng và Công ty vận tải - Bộ Xây dựng. Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 5/01/1991.

- Ngày 12/02/1993, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 022A/BXD-TCLĐ thành lập lại Công ty Vật tư Vận tải Xi măng.

- Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về việc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, ngày 22 tháng 02 năm 2006, Bộ Xây dựng đã có quyết định số 280/QĐ-BXD về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Vật tư Vận tải Xi măng thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 24/4/2006.

Tháng 5/2011, để thống nhất thương hiệu trong Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Công ty đổi tên thành **Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.**

Ngày 18/12/2006, ngày đầu tiên giao dịch trên sàn HNX

Công ty đã trải qua quá trình phát triển vốn như sau:

- Năm 2006: Vốn điều lệ 25.000.000.000 đồng
- Năm 2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 65.000.000.000 đồng.
- Năm 2010: Công ty tăng vốn điều lệ lên 156.000.000.000 đồng.
- Năm 2015: Công ty tăng vốn điều lệ lên 311.998.250.000 đồng.

1.3. Giải thưởng tiêu biểu:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2005
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ năm 2006
- Tập thể Lao động xuất sắc của Bộ Xây dựng năm 2009
- Bằng khen của Bộ Xây dựng trong các năm 2002, 2004, 2009
- Huân chương Lao động hạng 3 năm 2009
- Bằng khen Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam năm 2010
- Tổng cục thuế tặng giấy khen năm 2012-2013 về thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế.
- Cờ thi đua của Bộ Xây dựng trong các năm 2005, 2010, 2012, 2014
- Huân chương Lao động hạng 2 năm 2014
- Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010; giai đoạn 2010 - 2015 và các năm 2009, 2013, 2016
- Công ty là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất và phát triển nhanh nhất Việt Nam (theo xếp hạng năm 2014 và 2015 của Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report.,JSC)).
- Năm 2016 Công ty là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Theo báo cáo xếp hạng năm của Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report.,JSC))
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chứng nhận Công ty là một trong 30 Doanh nghiệp Minh bạch nhất HNX theo kết quả chương trình đánh giá Công bố thông tin và Minh bạch năm 2013 -2014.
- Liên tục được Bộ Xây dựng tặng bằng chứng nhận “Đơn vị tổ chức tốt đời sống và việc làm”.

1.4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

1.4.1. Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là :

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai khoáng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Tái chế phế liệu.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Than đá và nhiên liệu rắn khác dùng cho ngành xi ;Xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn quặng kim loại dùng cho SX xi măng (quặng sắt, bô xít, silic...); Bán buôn sắt, thép dùng cho xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa
- Kho bãi & lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Cung ứng, cho thuê tàu biển.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

1.4.2. Địa bàn kinh doanh

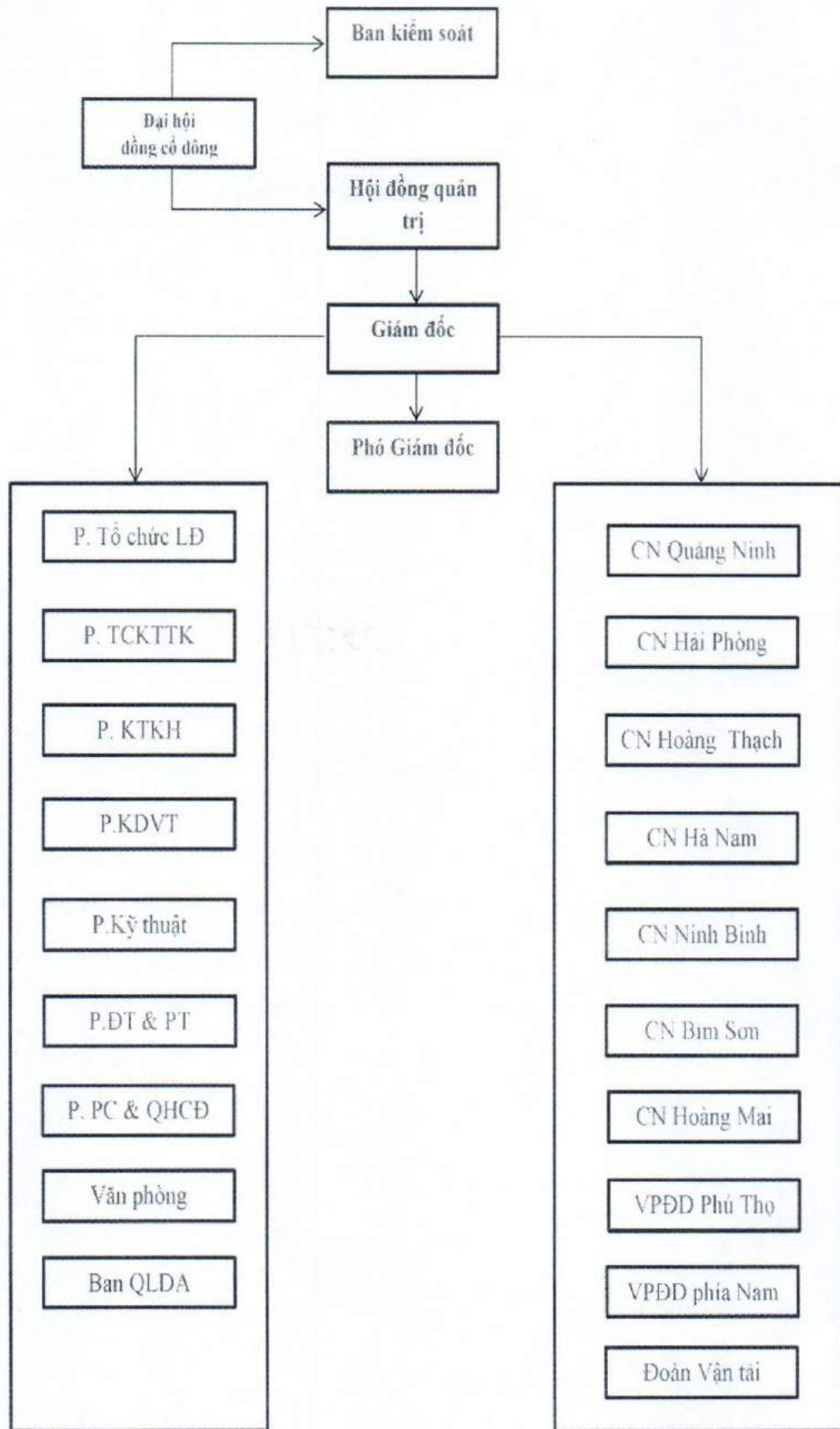
Hoạt động kinh doanh diễn ra trong nước và quốc tế khi thực thi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cung ứng than cho các Công ty xi măng thuộc VICEM.

1.4.3. Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Quảng Ninh: Tổ 5, khu 12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hoàng Thạch: Tại thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hải Phòng: Tại số 16, phố Thắng Lợi, thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hà Nam: Tại La Mát, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Ninh Bình: Tại đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Bim Sơn: Tại số nhà 61, đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Hoàng Mai: Tại khối Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng - Đoàn vận tải: Tại số nhà 24, phố Chợ Cũ, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
9. Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Phú Thọ: Tại khu 1, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
10. Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng - phía nam: Tạm ngừng hoạt động.

1.5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

1.5.1. Cơ cấu công ty:



1.5.2. Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị : LÊ XUÂN KHÔI

Tên gọi khác: LÊ XUÂN DŨNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1972

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Giấy CMND số: 011989282 cấp ngày: 10/05/2007, tại CA TP Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9, Lô 2C Khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 9, Lô 2C Khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Trình độ văn hoá (giáo dục phổ thông) : 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Đại học Xây dựng Hà Nội; Cử nhân QTKD công nghiệp và xây dựng cơ bản.

Quá trình làm việc:

- 8/1995 -6/2009: Chuyên viên phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM Tổng công ty CN XM Việt Nam.

- 7/2009 -12/2014: Phó trưởng phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM Tổng công ty CN XM Việt Nam.

- 6/2011 Kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần VICEM đô thị xi măng Hải Phòng.

- 01/2015 Trưởng phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM Tổng công ty CN XM Việt Nam.

- 04/2015 Kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 12.

- 9/2017 đến nay Kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần VICEM xi măng Sông Thao.

- Từ ngày 24/4/2018 Ông Lê Xuân Khôi được bầu là Chủ tịch HĐQT thay cho ông Cái Hồng Thu từ nhiệm.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM;

- Kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

- Kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VICEM Xi măng Bim Sơn;

- Kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần VICEM đô thị xi măng Hải Phòng;

- Kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần VICEM xi măng Sông Thao;

- Kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 12.

Số cổ phần nắm giữ : 7.857.721 cổ phần; chiếm tỷ lệ 25,19% vốn điều lệ, trong đó:

Cá nhân: 0 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 7.857.721 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành : Không.

2. Ủy viên HĐQT : HUỖNH TRUNG HIỂU

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 08/01/1974

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê Quán : Hà Lang, Phong Điền, Thừa Thiên Huế.

Nơi Sinh : Phường Ngọc Trạo, thị xã Thanh Hoá.

Địa chỉ thường trú : Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành kế toán, thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 07/1995 - 06/1998 : Kế toán viên phòng Kế toán Tài Chính Thống kê Công ty Vật tư Vận tải Xi măng.

- 01/1999 - 02/2004 : Phó phòng Kế toán Tài Chính Thống kê Công ty Vật tư Vận tải Xi măng.

- 03/2004 - 04/2006 : Cán bộ phòng quản lý vốn - Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

- 05/2006 - 01/2007 : Trưởng phòng Kế toán thống kê tài chính - Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng.

- 02/2007 - 04/2011 : Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin - Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng .

- 04/2011 - 06/2014 : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin - Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

- 06/2014 : Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin - Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

- 07/2014 - 10/2015: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin - Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

- 01/11/2015 - nay : Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành : Không.

Số cổ phần nắm giữ : 4.089.600 cổ phần ; chiếm 13,11% vốn điều lệ, trong đó:

Cá nhân: 161.600 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 3.928.000 cổ phần.

3. Ủy viên HĐQT : PHÙNG THANH HỒNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/10/1974

Nơi sinh: Yên Bái

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 012823880 cấp ngày: 25/8/2005 tại: Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Kim Quan, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đại học Tài chính Kế toán Hà Nội

Quá trình công tác:

- Từ 01/10/1995 đến 30/4/2001: Kế toán Kho bạc nhà nước huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái

- Từ 03/5/2001 đến 31/7/2006 Kế toán thuế, Kế toán hàng hóa, Kế toán ĐTXDCB Xi nghiệp dịch vụ Xăng dầu và Cơ khí – Công ty Xăng dầu Khu vực I;

- Từ 01/8/2006 đến 01/9/2008: Kế toán TSCĐ, Kế toán ĐTXDCB, Kế toán Ban QLDA Nhân Chính Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng;

- Từ 01/9/2008 đến 06/2014: 01/11/2009: Phụ trách kế toán Ban QLDA Nhân Chính;

- 01/3/2014: Phó Ban QLDA Nhân Chính Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

- Từ 01/7/2014 đến 31/01/2015: Phó phòng, Phụ trách phòng Kế toán Thống kê Tài chính Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

- Từ 01/2/2015 đến 31/3/2016: Trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

- 06/11/2015 - Nay: Người được ủy quyền công bố thông tin;

- 01/4/2016 - Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

- 20/4/2017 - Nay: Thành viên Hội đồng quản trị;

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành : Không.

Số cổ phần nắm giữ: 3.928.000 cổ phần; chiếm 12,59% vốn điều lệ, trong đó :

Cá nhân: 0 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 3.928.000 cổ phần

4. Ủy viên HĐQT : HOÀNG VŨ THĂNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/02/1975

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Giấy CMND số: 031075000015, cấp ngày: 04/ 06 /2013 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P.1006, Chung cư An Lạc, Tổ 13, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, T.P Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: P.1006, Chung cư An Lạc, Tổ 13, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, T.P Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình làm việc:

- 1999 - 2000: Nhân viên Công ty Bao bì LD VINAPAC (Hải Phòng).
- 2000 - 2002: Nhân viên Công ty LD Xi măng Nghi Sơn (Thanh Hóa)
- 2002 - 2003: Công ty Sơn Jotun - Na Uy (Hải Phòng)
- 2003 - 2007: Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng (Hà Nội)
- 2007 - Nay: Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM)
- **Từ ngày 24/4/2018 Ông Hoàng Vũ Thắng được bầu là thành viên**

Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm: Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Chiến lược, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành : Không.

Số cổ phần nắm giữ: 3.928.000 cổ phần; chiếm 12,59% vốn điều lệ, trong đó :

Cá nhân: 0 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 3.928.000 cổ phần

5. Ủy viên HĐQT : TRỊNH QUANG HẢI

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/11/1968

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê Quán : Hà Ngọc - Hà Trung - Thanh Hóa

Nơi Sinh : Tam Điệp - Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : 29/3 phường Trung Sơn - Thị xã Tam Điệp - Ninh Bình

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh - Đại học Thương mại.

Quá trình công tác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Long Sơn

Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Long Sơn, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Công ty TNHH Long Sơn do ông Trịnh Quang Hải là Tổng Giám đốc có ký hợp đồng vận chuyển, bốc xếp than với Công ty, giá trị thực hiện hợp đồng năm 2018 là: 66.749.384.663 đồng, chiếm 4,66% Tổng giá trị tài sản của Công ty tại BCTC

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó :

Cá nhân : 0 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần.

1.5.3. Ban Giám Đốc:

1. Giám đốc : Ông Huỳnh Trung Hiếu

Như phần giới thiệu Ủy viên HĐQT

2. Phó Giám đốc : Ông Trịnh Công Giang

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12 tháng 10 năm 1969

Nơi sinh: Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phòng 506 nhà C, Đền Lừ, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai , Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngành quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

01/1995 -7/1998: Nhân viên phòng Kế toán thống kê tài chính Công ty Vật tư Vận tải Xi măng;

8/1998 - 12/1998: Thư ký Giám đốc Công ty Vật tư Vận tải Xi măng;

01/99 - 7/2004: Phó văn phòng Công ty, Thư ký Giám đốc Công ty;

8/2004 - 2/2006: Trưởng chi nhánh Công ty Vật tư Vận tải Xi măng tại Hà Nam;

3/2006 - 30/3/2017: Trưởng phòng Tổ chức lao động Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

30/3/2017 - Nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không.

Số cổ phần nắm giữ : 2.000 cổ phần

Cá nhân 2.000 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần.

1.5.4. Ban Kiểm Soát:

1. Trưởng ban kiểm soát : Nguyễn Thị Thu Hà

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 24/4/1970

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê Quán : Xã Thanh Tuyên, Huyện Thanh Liên, tỉnh Hà Nam

Nơi Sinh : Thành phố Nam Định, tỉnh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Địa chỉ thường trú: Số 25 Ngõ 16 Phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác :

10/1993 - 6/2009: Nhân viên Kế toán Công ty CP Cồn Rượu Hà Nội;

7/2009 - 2/2010: Nghỉ việc;

3/2010- 1/2013: Nhân viên Kế toán Công ty CP Cồn Rượu Hà Nội;

2/2013 - 3/2014: Phó phòng Kế toán - Tài chính Công ty CP Cồn Rượu Hà Nội;

4/2014 - 2/2016: Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty CP Cồn Rượu Hà Nội;

3/2016- 4/2018 : Phó phòng Pháp chế và quan hệ cổ đông Công ty CP Vicem Vật tư Vận tải Xi măng;

4/2016 - 4/2018: Thành viên Ban kiểm soát Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

4/2018 - Nay: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không.

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

 cá nhân: 0 cổ phần.

 Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần.

2. Thành viên ban kiểm soát : Tạ Hữu Hiền

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 25/9/1988

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê Quán : Diễn Châu, Nghệ An

Nơi Sinh : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Phòng 16.03, Khu Chung cư A1, 229 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác :

11/2010 - 02/2014: Chuyên viên kế toán tổng hợp Ban Quản lý dự án Đông Hồi Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

03/2014 - Nay: Chuyên viên Phòng Kế toán thống kê tài chính và nguồn vốn Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

4/2016 - 4/2018: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, Chuyên viên quản lý tài chính Phòng Kế toán thống kê tài chính và nguồn vốn Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không.

Số cổ phần nắm giữ :

Cá nhân : 0 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần.

3. Thành viên Ban kiểm soát : Trịnh Bích Liên

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 14/01/1967

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê Quán :

Nơi Sinh : Hà Nội.

Địa chỉ thường trú : Số nhà 98 ngõ 381 đường Nguyễn Khang, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Tài chính Xây dựng cơ bản

Quá trình công tác :

01/04/1990- 31/7/1990: Chuyên viên Kế toán tổng hợp, kế toán XD/CB Nhà máy giấy da xuất khẩu Hà Nội;

1/8/1991-31/3/1992: Chuyên viên Kế toán giá thành Phòng Tài chính kế toán Công ty;

01/4/1992- 31/12/1995: Chuyên viên Kế toán XD/CB Ban Xây dựng cơ bản Công ty Vật tư Vận tải Xi măng;

01/01/1996-31/8/2007: Chuyên viên: Xây dựng giá bán vật tư, công tác hợp đồng kinh tế, công tác XD/CB Phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Vật tư Vận tải Xi măng;

01/9/2007- nay: Chuyên viên: Công tác đấu thầu, thẩm định hồ sơ thanh quyết toán, quản lý dự án Phòng Đầu tư phát triển Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát, chuyên viên phòng Đầu tư và Phát triển Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không.

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Cá nhân : 0 cổ phần.

Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần.

1.6. Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2020

1.6.1. Mục tiêu chủ yếu

- Kinh doanh than: Giữ vững thị phần kinh doanh tại các công ty xi măng thuộc VICEM; từng bước tiếp cận, mở rộng thị trường kinh doanh tại các công ty xi măng ngoài VICEM;

- Kinh doanh vận tải sông: Trên cơ sở đội tàu vận tải sông của Công ty làm nòng cốt, khai thác thêm phương tiện của xã hội để kinh doanh vận tải sông.

- Kinh doanh bất động sản: Khai thác kinh doanh 100% công suất toà nhà Comatce Tower tại Nhân Chính (Thanh Xuân – Hà Nội).

1.6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển đội tàu vận tải sông làm nòng cốt để kinh doanh vận tải sông;

- Đầu tư, xây dựng kho bãi, cảng tại các vị trí chiến lược phục vụ cho dự trữ, chế biến, kinh doanh, bốc xếp hàng hoá, sản phẩm liên quan đến sản xuất kinh doanh xi măng;

- Nghiên cứu Dự án đầu tư khai thác khu đất 21b Cát Linh;

- Phương thức đầu tư: Đầu tư trực tiếp và liên doanh, hợp tác kinh doanh với các đối tác chiến lược.

1.7. Cơ cấu cổ đông:

Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 31.199.825 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông:

- **Cổ đông góp vốn Nhà nước:**

Tên cổ đông: Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Tổng số vốn góp: 196.417.210.000 đồng

Chiếm tỷ lệ bằng 62,95% vốn điều lệ.

- **Cổ đông sáng lập:**

Là Công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Danh sách cổ đông sáng lập, cơ cấu cổ đông trong công ty như sau

- **Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam:**

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- + Sản xuất, kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng, vật liệu chịu lửa, vật liệu, thiết bị, phụ tùng cho ngành xi măng;

- + Xuất nhập khẩu clinker, xi măng, thạch cao và vật tư thiết bị phụ tùng cho ngành xi măng v.v.

Số cổ phần: 1.384.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ = 55,37%

- **326 cổ đông còn lại:** 1.115.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 44,63%

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Từ năm 2007 đến nay, Công ty phát hành 05 đợt cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 311,99825 tỷ đồng, cơ cấu vốn góp hiện tại như sau:

- **Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam:** Số cổ phần: 19.641.721 cổ phần, chiếm tỷ lệ = 62,95%

- **Các cổ đông còn lại :** 11.558.104 cổ phần, chiếm tỷ lệ 37,05%

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo các loại cổ đông:

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
A	Cổ đông trong nước	31.138.198	99,80
I	Cổ đông tổ chức	21.869.991	70,10
1	Cổ đông nhà nước	19.641.721	62,954
	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, do các ông bà có tên sau đại diện:		
	- Lê Xuân Khôi	7.857.721	25,19
	- Huỳnh Trung Hiếu	3.928.000	12,59
	- Phùng Thanh Hồng	3.928.000	12,59
	- Hoàng Vũ Thắng	3.928.000	12,59
2	Các tổ chức khác	2.228.270	7,141
2.1	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	1.406.886	4,51
2.2	Công ty TNHH Long Sơn	643.197	2,06
2.3	Công ty TNHH Tiến Hưng	104.000	0,33
2.4	Cổ đông tổ chức còn lại	74.187	0,24
II	Cổ đông cá nhân	9.268.207	29,70
	Trần Tuấn Đạt	2.026.966	6,50
	Các cổ đông khác	7.241.241	23,21
B	Cổ đông nước ngoài	61.627	0,20
I	Cổ đông tổ chức	300	
II	Cổ đông cá nhân	61.327	0,20
	TỔNG CỘNG	31.199.825	100

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không
- **Các chứng khoán khác:** Không

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018:

2.1. Kết quả kinh doanh:

2.1.1. Kinh doanh Than:

Điểm nhấn 2018:

- Đảm bảo an ninh năng lượng cho sản xuất xi măng của VICEM.
- Dự kiến tình hình biến động giá than trong nước tăng, VICEM Comatce chủ động thu xếp nguồn vốn và tăng mua dự trữ.
- Thực hiện chỉ đạo của VICEM về việc giảm giá thành trong sản xuất xi măng, Công ty đã có các biện pháp như tiết kiệm các chi phí bán hàng, chi phí quản lý; giảm giá

vốn hàng bán trên cơ sở khai thác các nguồn than nhập khẩu, than thương mại có nguồn gốc TKV, Đông Bắc, các đơn vị kinh tế quốc phòng để chế biến.

Kết quả kinh doanh

Trong năm 2018, VICEM Comatce bán ra 1.421.720 tấn/Kế hoạch 1.518.000 tấn, đạt 94 %.

2.1.2. Kinh doanh vận tải

Kinh doanh Đoàn vận tải năm 2018 thực hiện 282.577 tấn/Kế hoạch 314.000 tấn, đạt 90% kế hoạch.

2.1.3. Kinh doanh bất động sản

Kết quả đầu tư, kinh doanh năm 2018

- Đến hết năm 2018, dự án Comatce Tower đã chính thức đi vào hoạt động. Hiện Công ty đang thực hiện quyết toán dự án Comatce Tower theo đúng quy định.

- Địa điểm xây dựng: Số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

- Giá trị thực hiện ĐTXD năm 2018 là 1.913 tỷ đồng/1,727 tỷ đồng đạt 110% kế hoạch năm. Giá trị giải ngân năm 2018 của dự án là 58,69 tỷ đồng/124,235 tỷ đồng đạt 47% kế hoạch năm

- Doanh thu thực hiện năm 2018 là 253,4 tỷ đồng; bán 55 căn hộ; cho thuê sàn văn phòng thương mại đến hết năm 2018 là 48% diện tích.

3. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KINH DOANH

3.1. Công nghệ thông tin:

3.1.1. Hạ tầng công nghệ

Công ty đang sử dụng 2 hệ thống Server riêng biệt, trong đó 1 server phục vụ hệ thống kế toán tài chính thống kê, 1 server thuê ngoài để phục vụ hệ thống phần mềm quản lý Văn bản và quản lý chất lượng Hàng hóa. Ngoài ra, nhằm gia tăng sự kết nối, đảm bảo thuận lợi cho công việc, tất cả các đơn vị và phòng ban đều được trang bị máy tính bàn thế hệ mới và hệ thống mạng cáp quang tốc độ cao.

Mặc dù hệ thống công nghệ thông tin đã được Ban lãnh đạo chú trọng phát triển, tuy nhiên hạ tầng công nghệ của Công ty vẫn cần hoàn thiện và nâng cấp không ngừng. Trong năm 2018, Công ty đã xác định một số công việc trọng tâm để phát triển hạ tầng công nghệ như sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng, quy hoạch, sửa chữa lại một số cơ sở vật chất sẵn có, tiếp tục bảo trì, sửa chữa các thiết bị tài sản. Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất như máy chủ, thiết bị mạng, máy vi tính

- Trang bị camera cho phòng bảo vệ;

3.1.2. Phần mềm ứng dụng

Song song với việc triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ, Công ty đã và đang triển khai nhiều ứng dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh như các hệ thống: Phần mềm Kế toán, Phần mềm quản lý hàng hóa, phần mềm quản lý văn bản và đang triển khai phần mềm quản lý nhân sự. Hiện nay, các ứng dụng hỗ trợ sản xuất và kinh doanh đều hoạt động ổn định và mang lại hiệu quả nhất định cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Trong đó:

- Phần mềm Kế toán: Theo dõi, thu thập và thống kê được dữ liệu của phòng kế toán và các chi nhánh. Tuy nhiên phần mềm chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị ngày càng cao của Lãnh đạo Công ty cũng như các phòng ban chức năng.

- Phần mềm Quản lý hàng hóa: Theo dõi được chi tiết về vận tải thủy, vận tải bộ. Cập nhật được các số liệu tức thì. Xuất báo cáo theo mẫu về vận tải và tiền tệ phục vụ cho từng phòng ban.

- Phần mềm Quản lý Văn bản Văn thư Lưu trữ: Luân chuyển văn bản trong nội bộ công ty bao gồm các loại văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ; văn bản giao việc cho từng phòng hoặc từng cá nhân; quản lý các đầu việc của Giám đốc giao cho các phòng ban, chi nhánh.

- Phần mềm Quản lý nhân sự: quản lý nhân sự như chấm công, tính lương, quản lý thông tin nhân viên....

Dựa vào những nền tảng ứng dụng đã và đang có, trong năm 2019, Công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai nâng cấp các hệ thống ứng dụng, nâng cao trình độ năng lực công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng được yêu cầu quản trị trong thời đại mới. Cụ thể:

- Nâng cao phương án Bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin mạng. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phá hoại của các cá nhân và tổ chức phi pháp.

- Nâng cao trình độ năng lực công nghệ thông tin cho kỹ sư chuyên trách và người dùng hệ thống trong các phòng ban, đơn vị.

- Cải tiến, nâng cấp website của công ty.

- Tuyển dụng nhân tài cho lĩnh vực công nghệ thông tin.

3.2. Quản trị rủi ro:

Đối với Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đều phải được nhận diện, đánh giá rủi ro trước khi ra quyết định trong quản lý, điều hành.

3.2.1. Tóm tắt hệ thống quản trị rủi ro:

3.2.1.1. Mô hình quản trị rủi ro:

Quản trị rủi ro cấp Cơ sở: Các phòng, ban, bộ phận kinh doanh, đầu tư phải phân tích các yếu tố có liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình, qua đó nhận diện, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro, cân nhắc các phương án kinh doanh trước khi đưa ra các quyết định tối ưu trong quyền hạn của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đồng thời đề ra các biện pháp phòng ngừa và khắc phục rủi ro (nếu có).

Quản trị rủi ro cấp Công ty:

- Các phòng quản lý Công ty (Kế toán tài chính, Kinh tế Kế hoạch, Pháp chế & Quan hệ cổ đông, Kỹ thuật) thẩm định các phương án kinh doanh, các đề xuất của các phòng kinh doanh, tham mưu, đề xuất với Giám đốc/Phó giám đốc phụ trách để ra các quyết định phù hợp.

- Ban giám đốc Công ty là cấp cuối cùng ra quyết định đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền mà có ảnh hưởng lớn đến hoạt động bền vững và hiệu quả của Công ty.

- Bộ phận kiểm soát nội bộ Công ty định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình của các đơn vị trực thuộc Công ty.

3.2.1.2. Nội dung quản trị rủi ro:

Quản trị rủi ro liên quan đến phát triển bền vững Công ty: Phân tích đánh giá môi trường kinh doanh bên ngoài, bên trong Công ty có ảnh hưởng tới chiến lược phát triển của Công ty như: Chính sách, pháp luật của Nhà nước; Cung cầu nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, sự cạnh tranh của các đối thủ; Các quy định trong quản trị Công ty; Quản lý dòng tiền trong quyết định các dự án đầu tư phát triển... Để từ đó nhận diện các thách thức, nguy cơ dẫn đến rủi ro cho Công ty cũng như sự cần thiết phải xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ngắn, trung và dài hạn.

Quản trị rủi ro các phương án kinh doanh: Phân tích đánh giá tình hình biến động của các yếu tố đầu vào, đầu ra như: Biến động của giá cả, tỷ giá ngoại tệ; Nhu cầu của thị trường; Ảnh hưởng của thời tiết; Chính sách bán hàng của nhà cung cấp; Sự hoạt động ổn định của máy móc thiết bị;... Để xác định rủi ro và đưa ra các biện pháp phòng ngừa.

Tạo môi trường cho công tác quản trị rủi ro: Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm nội bộ (quy chế, quy định, quy trình...) đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty làm cơ sở kiểm soát tính tuân thủ, đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của từng khâu hoạt động. Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong năm 2018.

Nâng cấp hệ thống thông tin, truyền thông: Công ty đã xây dựng và triển khai phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý hàng hóa nhằm tăng cường tính minh bạch, hệ thống, kịp thời nắm bắt thông tin và xử lý trong công tác điều hành, tăng cường kiểm soát hàng hóa, phương tiện, thể hiện rõ trách nhiệm của mỗi khâu trong quá trình hoạt động cũng như giảm bớt sự chồng chéo trong công tác báo cáo thống kê.

Hoạt động của bộ phận Kiểm soát nội bộ: Là một trong 3 chức năng của phòng Pháp chế & Quan hệ cổ đông, công tác kiểm soát nội bộ thực sự đi vào hoạt động. Các công tác kiểm soát nội bộ đã thực hiện:

- Kiểm soát sự tuân thủ pháp luật, sự phù hợp và tính thống nhất của các văn bản quy phạm nội bộ trong Công ty;
- Kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh than của Công ty;
- Kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của Báo cáo tài chính trước khi trình lãnh đạo Công ty phê duyệt.

Công tác kiểm soát đã phát hiện ra những vấn đề bất cập, cần cải tiến trong hoạt động chuyên môn, kiến nghị giải quyết tồn tại, sự cần thiết chỉnh sửa một số văn bản quy phạm nội bộ hoặc thủ tục hồ sơ để đảm bảo tính pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2.2. Rủi ro thời tiết:

• Kinh doanh than cảm chịu ảnh hưởng nhiều bởi thời tiết. Vào mùa mưa, gió, bão, nguồn hàng khan hiếm, vận chuyển khó khăn, gây thất thoát hàng hoá. Độ ẩm than cao quá 14% cũng gây khó khăn cho sản xuất xi măng, đòi hỏi Công ty phải có các phương án lưu kho bãi, bảo quản hàng hợp lý để ổn định chất lượng hàng hóa, tiến độ cung cấp cho khách hàng.

• Hoạt động vận tải sông, biển cũng là ngành nghề tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cao đến từ thời tiết như: Giông lốc, bão lớn, gió xoáy, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, v.v.

• Thời tiết xấu cũng làm ảnh hưởng đến thời gian bốc dỡ hàng hóa và hành trình tàu, dẫn đến việc phát sinh thêm nhiều chi phí như ngày tàu, nhiên liệu, cảng phí.

3.2.3. Rủi ro thị trường:

Về thị trường khai thác – kinh doanh than: Công ty có sự ổn định tương đối theo định hướng của Nhà nước, tuy vậy vẫn chịu sự chi phối của thị trường. Môi trường kinh tế trong và ngoài nước tiềm ẩn nhiều rủi ro như lạm phát, suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp.v.v. tác động đến thị trường tiêu thụ, xuất khẩu xi măng cũng như việc khai thác than cung cấp cho các công ty xi măng. Cạnh tranh không lành mạnh, hạn chế hoặc độc quyền trong khai thác kinh doanh than, phân khúc thị trường không đồng đều cũng là rủi ro mà chính nội bộ ngành mang lại. Một rủi ro khác về giá, đó là những biến động về giá nguyên, nhiên vật liệu, cước vận tải và biến động tỷ giá hối đoái.

Về vận tải sông:

• Phương tiện đường thủy nội địa phát triển nhiều về số lượng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về mặt chất lượng dẫn đến tình trạng vừa thừa vừa thiếu so với nhu cầu vận chuyển của Công ty như:

- Trọng tải lớn so với yêu cầu của các nhà máy và cảng vụ đường thủy nội địa;
- Độ chính xác của đăng kiểm phương tiện thủy nội địa thấp, chênh lệch giữa giám định môn nước và cân lớn so với các chỉ tiêu quản lý giao nhận hàng hóa, đặc biệt là đối với than nhập khẩu.

Về công tác tài chính: Lãi suất ngày càng có xu hướng tăng làm tăng chi phí tài chính của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn. Khách hàng chiếm dụng vốn, không thanh toán đúng cam kết hợp đồng làm Công ty gặp phải khó khăn trong việc cân đối vốn.

Thị trường Bất động sản: đang gặp khó khăn trong hấp thụ sản phẩm Bất động sản, khả năng thanh khoản chưa cao cùng với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường này cũng là một trong những rủi ro được Công ty lưu ý và theo dõi sát sao.

Về công tác tổ chức cán bộ: Các cán bộ có kinh nghiệm, gắn bó với sự lịch sử hình thành và phát triển của Công ty trong những năm qua hầu hết đã gần đến tuổi nghỉ hưu, tạo áp lực lớn cho đội ngũ lãnh đạo và nhân sự cấp cao nhiệm kỳ mới trong việc chứng tỏ năng lực, gây dựng niềm tin cho các nhà đầu tư và khách hàng. Công ty đã áp dụng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả năng suất lao động KPI đối với cá nhân, tập thể giúp đo lường và đánh giá hiệu quả công việc một cách chính xác.

3.2.4. Rủi ro pháp lý:

Rủi ro pháp lý luôn luôn là nguy cơ tiềm tàng đối với doanh nghiệp, ảnh hưởng tới lợi ích của doanh nghiệp cũng như khả năng cạnh tranh của mình trong môi trường kinh doanh ngày càng khốc liệt và ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Trong lĩnh vực **kinh doanh than**, rủi ro pháp lý đến từ những biến động của chính sách vĩ mô như thay đổi cơ chế, cơ cấu quản trị, chuyển đổi doanh nghiệp cổ phần.v.v. Việc thiết lập các hệ thống, quy chế kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đầy đủ cũng làm hạn chế hiệu quả kinh doanh.

Về lĩnh vực **vận tải đường thủy**, rủi ro phát sinh khi các bên không thỏa thuận chọn luật áp dụng trong hợp đồng, hoặc có chọn nhưng không nắm rõ nội dung các quy định của luật được chọn, dẫn đến việc hiểu, viện dẫn các điều luật sai, không phù hợp khi giải quyết các phát sinh. Hoặc rủi ro có thể đến từ các thông tin trên chứng từ không chuẩn xác (do người thực hiện chủ quan hoặc do các thiết bị cân đo chưa chuẩn xác, do thời tiết xấu...), chậm giao chứng từ, hoặc một bên sử dụng chứng từ giả để thanh toán...

Về lĩnh vực **đầu tư**, nếu các chính sách thay đổi liên tục thì sẽ dẫn tới việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà Comatce Tower gặp nhiều khó khăn. Công ty đã làm đầy đủ các thủ tục để được xin miễn tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định cũng như gia hạn tiền sử dụng đất nhưng Liên ngành không chấp thuận do nhu cầu đảm bảo Ngân sách thành phố. Bên cạnh đó, thời gian giải quyết các thủ tục công việc của Sở, Ban ngành còn chậm và chông chéo, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

Các quy định của pháp luật chưa thực sự hoàn thiện, chông chéo cũng mang lại nhiều rủi ro và khó khăn cho Công ty. Văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Nhiều văn bản còn quy định chung chung, thiếu rõ ràng, thậm chí chưa phù hợp với thực tế của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay nên khó áp dụng. Việc thay đổi chính sách đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cũng dẫn đến áp lực về tài chính, lợi nhuận của doanh nghiệp.

3.2.5. Kế hoạch thực hiện 2019:

Trong năm 2019, hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty sẽ vận hành theo đúng quy trình đã được ban hành, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro bao gồm con người, quy trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu quản trị rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh hiện có. Cụ thể, quy trình quản trị rủi ro bao gồm 4 bước sau:



Kế hoạch quản trị rủi ro lĩnh vực kinh doanh than:

- Rủi ro thời tiết:
 - Cập nhật thường xuyên, liên tục dự báo biến đổi của thời tiết qua các kênh chính thống trong nước và quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch mua, bán, huy động phương tiện theo thời điểm phù hợp với tình hình thời tiết.
- Có kế hoạch trang bị, dự phòng và bảo quản hàng hóa đầy đủ, đạt tiêu chuẩn.
- Khai thác nguồn hàng, nguồn vận tải đảm bảo đáp ứng nhu cầu về chất lượng, khối lượng phù hợp với từng thời điểm.
- Khi xảy ra rủi ro, kịp thời phối hợp với các ban, ngành lựa chọn giải pháp xử lý hợp lý.
- Theo dõi, tổng hợp và có kế hoạch phòng ngừa.
- **Rủi ro thị trường:**
 - Nhận định và dự báo chính xác nhu cầu thị trường ngắn hạn.
 - Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp. Hạn chế các phương án có độ rủi ro cao. Dự báo mức biến động tỷ giá mua.
 - Rà soát, cập nhật biến động nguồn cung và nhu cầu thị trường ngắn hạn, dài hạn.
- **Rủi ro pháp lý:**
 - Xây dựng chính sách quản trị và bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp, hiệu quả.
 - Cập nhật thường xuyên các chính sách, quy định, luật sửa đổi.
 - Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý, nhân viên pháp lý và các nhân viên làm công tác kinh doanh mua, bán.
 - Rà soát các quy trình quản lý sản xuất kinh doanh trong Công ty.

Kế hoạch quản trị rủi ro lĩnh vực vận tải sông:

- Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các phương án chủ động phòng, chống, ứng phó với thiên tai; xử lý khi xảy ra thiên tai; lập kế hoạch quản lý, đầu tư trang bị bổ sung các phương tiện, trang thiết bị hiện đại, đủ công năng, công suất đáp ứng yêu cầu hoạt động và thông tin cứu nạn.
- Nâng cao sự hiểu biết về pháp luật trong doanh nghiệp: đào tạo, huấn luyện các kiến thức cơ bản về an toàn giao thông đường thủy cũng như hiểu biết về những quy định của pháp luật về vận tải thủy nội địa.
- Lựa chọn các đối tác tin cậy, đủ năng lực vận tải. Yêu cầu các đơn vị tham gia vận tải đáp ứng đủ các yêu cầu kỹ thuật và an toàn đường thủy.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình giao, nhận hàng hóa ở các chi nhánh và hành trình của phương tiện.

Kế hoạch quản trị rủi ro trong tổ chức lao động:

Công ty cần phải tập trung đào tạo huấn luyện, vừa thanh lọc vừa tuyển dụng mới, đồng thời có chính sách đãi ngộ phù hợp hơn về lương thưởng, cơ hội thăng tiến... để thu hút được lao động có trình độ, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lòng trung thành đối với cán bộ và người lao động.

4. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:

4.1. Báo cáo hoạt động của Ban giám đốc:

4.1.1. Hoạt động trong năm 2018:

Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện tốt vai trò hậu cần cho sản xuất xi măng, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đề ra.

a. Về sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Doanh thu đạt 3.476,369 tỷ đồng/Kế hoạch 3.763.,955 tỷ đồng, đạt 92,4%.
- Lợi nhuận đạt 51,101 tỷ đồng/Kế hoạch 51,093 tỷ đồng, đạt 100%.
- Nộp ngân sách 85,708 tỷ đồng/Kế hoạch 26,367 tỷ đồng, đạt 325%.
- Hoàn tất chi trả cổ tức 15% của năm 2017 và tạm ứng cổ tức 5% trong tổng số 15% của năm 2018.

- Sản lượng thực hiện bán ra đạt 1.421.720 tấn, đạt 97% sản lượng cùng kỳ cấp cho các đơn vị VICEM Phía Bắc. Năm 2018 Công ty chưa cung cấp cho Vicem Hải Vân và Vicem Hà Tiên sản lượng giảm 19% so với cùng kỳ.

- Sản lượng thực hiện bán ra cho các đơn vị thành viên VICEM đã bám sát hợp đồng đã ký kết 2018, trong đó thực hiện bán tăng so với hợp đồng đối với Vicem Hoàng Thạch tăng 5%, Vicem Bút Sơn tăng 10%, Vicem Bim Sơn tăng 12%.

- Để đạt được các kết quả nêu trên Công ty đã có nhiều giải pháp tích cực trong quản lý điều hành đáp ứng đủ than phục vụ nhu cầu sản xuất xi măng của các nhà máy VICEM Phía Bắc.

- Năm 2018 nhận định được diễn biến khó khăn nguồn cung nên ngay từ những tháng cuối năm 2017 và các tháng đầu năm 2018 Công ty đã tăng cường mua than 3c.1 dự trữ tại Bãi Ninh Bình để đảm bảo duy trì chạy lò cho nhà máy xi măng Bim Sơn, Tam Điệp và Bút Sơn trong các giai đoạn khó khăn về nguồn hàng đồng thời đem lại hiệu quả do biến động tăng giá than góp phần vào hiệu quả chung trong SXKD 2018.

b. Tình hình đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Comatce Tower:

Năm 2018 thị trường kinh doanh Bất động sản tăng trưởng thấp, diễn biến thị trường thực sự gặp nhiều khó khăn, Ban điều hành công ty đã tìm kiếm mọi giải pháp triển khai thực hiện và đạt được các kết quả sau:

- Hoàn tất cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng tòa nhà của Cục Giám định nhà nước cho tòa nhà Comatce Tower.

- Hoàn tất cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn Phòng cháy chữa cháy của Cảnh sát PCCC Hà Nội cho tòa nhà, đảm bảo đầy đủ mọi điều kiện an toàn, kiến tạo môi trường đạt chuẩn phục vụ khách hàng.

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng thực hiện dự kiến đến ngày 31/12/2018: 672,660 tỷ đồng/TMĐT là 804 tỷ đồng đạt 83,67%, thấp hơn chi phí của dự án 131,34 tỷ đồng.

- Giá trị giải ngân dự án lũy kế đến hết 31/12/2018 là 586,592 tỷ đồng/giá trị thực hiện 672,747 tỷ đồng đạt 87,2 %.

- Tích cực chỉ đạo, đôn đốc công tác quyết toán dự án theo quy định.

- Tăng cường các hoạt động Marketing, truyền thông, quảng cáo trên báo BĐS, đài VOV và các trang truyền thông khác; cải tạo, bổ sung thêm các tiện ích của tòa nhà để thu hút, kích thích tiêu thụ sản phẩm và mang lại các giá trị thiết thực cho khách hàng.

Về thực hiện bán căn hộ, kinh doanh văn phòng tòa nhà Comatce Tower:

- Tích cực chỉ đạo triển khai các biện pháp như: xây dựng chính sách bán hàng, quảng cáo, tiếp thị, điều chỉnh giá bán... để đẩy nhanh tiêu thụ các sản phẩm của dự án. Tuy nhiên,

việc kinh doanh gặp khó khăn do tình hình thị trường BĐS vẫn chưa có dấu hiệu tích cực, chủ yếu tập trung vào phân khúc nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp...; Nguồn cung ngày càng tăng, nên các sản phẩm của dự án (căn hộ, văn phòng) chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các dự án lân cận. Năm 2018, Công ty chỉ bán được 03 căn hộ, lũy kế đến nay mới bán được 55/100 căn hộ, đạt 55%.

- Năm 2018 Công ty bắt đầu triển khai cho thuê diện tích văn phòng được 4.466 m²/ 9.367 m² đạt 47,6%.

Dự án đầu tư đóng mới xà lan:

- Trong Quý I/2018, tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc hoàn thành việc thi công đóng mới 02 tàu, trong gói thầu đóng mới 03 tàu tự hành trọng tải 1.665 tấn, cả 03 tàu đã hoàn thành nghiệm thu, quyết toán và đưa vào khai thác sử dụng.

- Hiện nay việc kinh doanh các Đoàn xà lan của Công ty đang thực hiện khá tốt, giúp Công ty điều hành linh hoạt trong những thời điểm khó khăn về phương tiện thuê ngoài tại một số tuyến vận chuyển, tạo công ăn việc làm cho người lao động, bước đầu việc kinh doanh đã có hiệu quả.

c. Tình hình tài chính:

Thực hiện doanh thu đạt 3.476.369 triệu đồng/KH 3.763.955 triệu đồng đạt 92,4% (trong đó doanh thu than đạt 3.186.811 triệu đồng/KH 3.301.333 triệu đồng đạt 96,5%) do trong năm 2018 Công ty chưa cung cấp vào thị trường Vicem Hải Vân; Vicem Hà Tiên, nhu cầu các nhà máy chuyển đổi sử dụng than từ 3c.1 sang 4a.1. So với cùng kỳ đạt 86,2% do năm 2017 ghi nhận doanh thu do bán thanh lý 02 tàu biển là 99,47 tỷ đồng.

Công ty đã tích cực tìm nhiều giải pháp để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã ban hành, cụ thể như:

- Chủ động tiết giảm chi phí quản lý, rà soát tiết kiệm chi tiêu.
- Quản lý tiết kiệm hao hụt tốt do tổ chức công tác giao nhận có hiệu quả. Chi phí hao hụt các tuyến hầu hết thấp hơn định mức cho phép;

- Năm 2018, Công ty đã làm việc với các ngân hàng để được cấp tín dụng với lãi suất vay ưu đãi (khoảng 6 %/năm), đảm bảo nguồn vốn duy trì hoạt động kinh doanh; Tăng cường hợp tác thúc đẩy phát triển và nâng cao uy tín với các tổ chức tín dụng trong nước.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 51,101 tỷ đồng/ kế hoạch 51,093 tỷ đồng, đạt 100%.

- Dư nợ đã được kiểm soát dư nợ của các nhà máy đều giảm từ 10% - 34% so với cùng kỳ năm 2017.

4.1.2. Đánh giá của Ban giám đốc về hoạt động của Công ty năm 2018:

• Các cấp lãnh đạo, quản lý trong Công ty đã bám sát các mục tiêu, chủ trương, giải pháp trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; năng động, nhạy bén với tình hình biến động của thị trường; có nhiều biện pháp tích cực và phù hợp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Nhìn chung năm 2018, mặc dù kinh tế có nhiều biến động, song Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với tinh thần nỗ lực và thống nhất cao của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Công ty; thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn, lợi ích của cổ đông, việc làm, thu nhập và các chính sách đối với người lao động được đảm bảo và ổn định ở mức cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

- Thực hiện định hướng của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc xây dựng chiến lược nguồn nhân lực và kế hoạch đào tạo giai đoạn từ nay đến năm 2020,
- Tăng cường công tác quản trị, rà soát ban hành, sửa đổi một số quy chế quản lý nội bộ đồng thời bãi bỏ các văn bản hết hiệu lực cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty
- Cung ứng đầy đủ, kịp thời vật tư cho nhu cầu sản xuất xi măng trong ngành, đảm bảo tiến độ, chất lượng và số lượng, mở rộng của thị trường kinh doanh than; quản lý tốt kho bãi, giảm tỷ lệ hao hụt hàng hoá trong vận tải và lưu kho.
- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật; chủ động xây dựng có hệ thống các quy chế quản lý, các chế tài trong kinh doanh, trên cơ sở các qui định của Nhà nước, của ngành ở mức tiên tiến.

4.1.3. Kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2019:

Về sản xuất kinh doanh:

- Tổng sản lượng hàng hoá bán ra: 1.500.000 tấn
 - Doanh thu: 3.826,811 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế: 59,183 tỷ đồng
 - Nộp ngân sách: 29,266 tỷ đồng
 - Tiền lương bình quân: 14 triệu đồng/người/tháng.
- Xác định trong năm 2019 và các năm tiếp theo, kinh doanh than vẫn là mặt hàng chủ yếu, cốt lõi.
 - Làm việc với TKV, Tổng Đông Bắc, các đơn vị thương mại thuộc Bộ quốc phòng để bám sát tiến độ rút hàng đảm bảo duy trì nguồn mua than 3c.1; 4a.1 như kế hoạch SXKD đã xây dựng 2019.
 - Phân tích thị trường than nội địa, nhận định đưa ra các phương án chủ động trong trường hợp biến động giảm giá làm ảnh hưởng đến hàng tồn kho, xây dựng định mức hàng tồn kho tối đa, tối thiểu phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
 - Bám sát diễn biến thị trường than thế giới tìm kiếm các nguồn than nhập khẩu có giá cạnh tranh, ổn định về nguồn hàng có chất lượng phù hợp cho sản xuất xi măng để giao thẳng vào nhà máy và phục vụ chế biến tạo nguồn.
 - Rà soát cân đối điều tiết lượng than cung cấp cho các Công ty xi măng phù hợp với dư nợ và tồn kho.
 - Tiết giảm tối đa các chi phí để đảm bảo giá cung cấp than cạnh tranh cho các nhà máy.
 - Tập trung nhập khẩu và chế biến than là mục tiêu chiến lược.

Về đầu tư xây dựng:

- Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành nâng cao chất lượng dịch vụ tòa nhà, nghiên cứu mô hình kinh doanh mới, tăng tỷ lệ lấp đầy diện tích cho thuê văn phòng, khai thác tối đa tiện ích của tòa nhà để tăng nguồn thu.
- Tăng cường các hoạt động truyền thông, xây dựng chi tiết các kế hoạch Marketing đưa hình ảnh và tiện ích của dự án đến với khách hàng. Phấn đấu bán hết các căn hộ còn lại trong năm 2019.

Công tác tổ chức - lao động:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

- Tìm mọi giải pháp để tăng năng suất lao động, phấn đấu tăng năng suất lao động năm 2019 so với 2018 là 12% tăng hiệu quả sử dụng lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

- Thực hiện tuyển dụng lao động làm công tác giao nhận phải đáp ứng sẵn sàng điều động công tác luân chuyển lao động tại các đơn vị trong Công ty.

Về các mặt công tác khác:

- Tiếp tục chỉ đạo, rà soát xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, rà soát, tiết kiệm chi phí, thực hiện tiết kiệm để có điều kiện giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong SXKD và tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty;

- Công tác pháp chế: Kiện toàn bộ phận pháp chế, rà soát lại các văn bản quy phạm nội bộ để hoàn thiện, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định của Pháp luật và của VICEM.

- Tiếp tục tái cấu trúc Công ty cùng với VICEM theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ xây dựng.

- Từng bước ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất kinh doanh để tăng năng suất lao động.

- Chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chương trình hành động phòng, chống tham nhũng theo các quy định của Pháp luật.

4.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị:

4.2.1. Hoạt động trong năm 2018:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, cơ chế hoạt động tập trung dân chủ.

Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và tình hình thực tế của Công ty, năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, lấy ý kiến luân phiên về những vấn đề quan trọng để tập trung chỉ đạo và ban hành 26 nghị quyết, quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	127/NQ-HĐQT	25/01/2018	Phê duyệt thuê tài chính 01 xe ô tô Toyota Land Cruiser Prado VXz.
2	153/QĐ-VTVT	29/01/2018	V/v phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2018.
3	162/NQ-HĐQT	30/01/2018	Phê duyệt về việc cân đối nhu cầu sử dụng vốn Công ty trong năm 2018.
4	224/QĐ-VTVT	31/01/2018	V/v ban hành quy chế trả lương Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

5	Nghị quyết HĐQT	01/02/2018	V/v thực hiện các công việc phát sinh đã thực hiện dự án Comatce tower.
6	239/NQ-HĐQT	01/02/2018	Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng vận chuyển than, bốc xếp, thuê kho bãi với Công ty TNHH Long Sơn.
7	381/NQ-HĐQT	05/03/2018	Họp HĐQT định kỳ Quý I/2018 và công tác ĐHCĐTN 2018.
8	450/QĐ-VTVT	15/03/2018	V/v phê duyệt quyết toán DA hoàn thành "DA đầu tư đóng mới 07 tàu tự hành trọng tải 1.665 tấn/tàu, công suất 620CV".
9	476/QĐ-VTVT	22/03/2018	Phê duyệt kế hoạch SXKD&ĐTXD năm 2018.
10	517/NQ-HĐQT	27/03/2018	V/v phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch luân chuyển các chức danh cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2021.
11	518/NQ-HĐQT	27/03/2018	V/v tạm ngừng hoạt động kinh doanh Văn phòng đại diện Công ty tại phía Nam.
12	674/NQ-HĐQT	20/4/2018	V/v bầu chủ tọa cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
13	695/NQ-HĐQT	24/4/2018	V/v bầu chủ tịch Hội đồng quản trị.
14	911/NQ-HĐQT	30/5/2018	Phiên họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng ngày 30/5/2018.
15	1007/NQ-HĐQT	13/6/2018	V/v thống nhất chi trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức năm 2018.
16	1044/NQ-HĐQT	19/6/2018	V/v ký hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường.
17	1098/NQ-HĐQT	03/7/2018	V/v mua than nhập khẩu, ký hợp đồng nguyên tắc, thực hiện chế biến than.
18	1271/NQ-HĐQT	03/8/2018	V/v nộp tiền sử dụng đất dự án Nhân Chính.
19	1272/NQ-HĐQT	03/8/2018	V/v vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động Vicem Comatce.
20	1433/NQ-HĐQT	24/8/2018	Phiên họp Hội đồng quản trị Quý II/2018
21	1512/NQ-HĐQT	11/09/2018	V/v phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng
22	1669/NQ-HĐQT	05/10/2018	V/v ủy quyền vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động Vicem Comatce
23	1774/NQ-HĐQT	24/10/2018	Phiên họp Hội đồng quản trị Quý III/2018
24	1815/NQ-HĐQT	31/10/2018	V/v bổ nhiệm lại cán bộ
25	1888/NQ-HĐQT	12/11/2018	V/v bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng
26	2225/NQ-HĐQT	31/12/2018	V/v thông qua các hợp đồng mua/bán than 2019

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, bàn và biểu quyết thông qua các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

4.2.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2018:

- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và định hướng của cấp trên.
- Các tổ chức, cá nhân, thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phạm vi, trách nhiệm, trung thực.
- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các tổ chức và các đơn vị trong Công ty.
- Các chế độ, chính sách, tài chính, đều rõ ràng, minh bạch.

4.2.3. Kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2019:

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, duy trì tốc độ tăng trưởng, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị Công ty tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Mở rộng thị trường, tăng thị phần kinh doanh than, phụ gia cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác cho xã hội.
- Mở rộng các mặt hàng kinh doanh khác: xuất khẩu xi măng, clinler; kinh doanh xỷ lò cao và các thiết bị khác cho sản xuất xi măng và cho nhu cầu khác của xã hội.
- Hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng các sản phẩm của dự án xây dựng toà nhà Comatce Tower tại Nhân Chính.
- Quan tâm làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

4.3. Báo cáo của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thường xuyên tham gia giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để tham gia vào công tác quản lý nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2018, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2018.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng và năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Năm 2018, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện qua:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng - 1 năm.

4.4. Các giao dịch, thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Cái Hồng Thu	Chủ tịch HĐQT (đến 24/4/2018)		56.095.890	24.000.000	80.095.890
Lê Xuân Khôi	Chủ tịch HĐQT (từ 24/4/2018)			48.000.000	48.000.000
Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	832.151.162	56.095.890	48.000.000	936.247.052
Phùng Thanh Hồng	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	536.193.283	36.061.644	48.000.000	620.254.927
Hoàng Vũ Thắng	Thành viên HĐQT (từ 24/4/2018)			32.000.000	32.000.000
Trịnh Quang Hải	Thành viên HĐQT		20.000.000	48.000.000	68.000.000
Lê Sỹ Thắng	Thành viên HĐQT (đến 24/4/2018)	169.057.667	20.000.000	16.000.000	205.057.667
Trịnh Công Giang	Phó Giám đốc Công ty	568.048.721	30.0510370		598.100.091
Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng BKS	309.270.053		12.000.000	321.270.053
Tạ Hữu Hiền	Thành viên BKS		10.000.000	36.000.000	46.000.000
Trịnh Bích Liên	Thành viên BKS	186.439.833		36.000.000	222.439.833

Giao dịch và Lợi ích liên quan với Công ty:

Ông Trịnh Quang Hải là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Long Sơn ký hợp đồng vận chuyển, bốc xếp than, hợp đồng mua, bán clinker với Công ty. Giá trị thực hiện hợp đồng là: 66.749.384.663 đồng, chiếm 4,66% Tổng giá trị tài sản của Công ty tại BCTC 2018

5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

5.1. Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị về Phát triển Bền vững:

Ngành công nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam đã có lịch sử phát triển hơn 100 năm, với những dấu ấn, thành tựu không phai mờ trong quá trình xây dựng và phát triển. Khẩu hiệu “Thách thức thời gian” thể hiện ý chí, niềm tin của tập thể cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) trong phát huy truyền thống của ngành để xây dựng một VICEM phát triển bền vững.

Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng (VICEM Comatce) là một công ty con của VICEM, vì vậy phát triển bền vững không chỉ là trách nhiệm mà còn là mục tiêu tự thân của Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với Công ty, nhất quán trong quá trình phát triển đã qua cũng như sắp tới, trách nhiệm trong phát triển bền vững luôn gắn với 3 vấn đề chính sau:

1. Lợi nhuận của công ty gắn với hiệu quả kinh tế xã hội của đất nước;
2. Trách nhiệm đảm bảo an toàn cho môi trường;
3. Trách nhiệm với các vấn đề xã hội.

Động lực trong phát triển bền vững của Công ty là tầm nhìn: Trở thành một Công ty có trách nhiệm với xã hội trong cộng đồng, có uy tín cao trong cung cấp hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm.

Cơ sở để Công ty phát triển bền vững dựa trên những yếu tố sau:

1. Sử dụng, cung cấp hàng hoá, sản phẩm và dịch vụ thoả mãn mọi nhu cầu của khách hàng, trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường;
2. Nâng cao hiệu quả, sự thuận lợi trong sản xuất kinh doanh cho các đối tác cung cấp hàng hoá, dịch vụ vận tải, bốc xếp;
3. Duy trì và phát triển văn hoá Công ty với những triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi: Hợp tác, cạnh tranh để cùng phát triển; trách nhiệm với khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội; quan tâm đến quyền lợi của cổ đông và người lao động; khuyến khích, trân trọng sự sáng tạo, đổi mới của cán bộ nhân viên.

Kính thưa các quý khách hàng, đối tác và các bên có liên quan!

Hiện nay, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nghèo đói, dịch bệnh.v.v. đã và đang trở thành thách thức đe dọa tới phát triển bền vững của toàn cầu, trong đó Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng nặng nề. Việc chung tay bảo vệ trái đất để vượt qua những thách thức trên là nghĩa vụ của các tổ chức và doanh nghiệp, trong đó có VICEM Comatce. VICEM Comatce đã có 37 năm xây dựng và trưởng thành, đặc biệt sau hơn 10 năm cổ phần hoá, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không ngừng phát triển cả về quy mô cũng như hiệu quả. Song, trong thời gian tới, nếu không có những chiến lược phát triển gắn với các giải pháp bảo vệ môi trường, cân bằng lợi ích doanh nghiệp với lợi ích của xã hội thì sẽ không phát triển bền vững. Tuy nhiên để một quốc gia cũng như toàn cầu phát triển bền vững, cần phải chung tay góp sức của tất cả các doanh nghiệp, đối tác, khách hàng, người

lao động và cổ đông của Công ty cũng như của các tổ chức có liên quan khác. Đây là thông điệp của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng thể hiện sự cam kết của mình cũng như góp thêm một tiếng nói, một hành động về phát triển bền vững của đất nước Việt Nam cũng như của toàn cầu.

Hãy hợp tác cùng chúng tôi vì một tương lai bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!

5.2. Tổng quan báo cáo Phát triển Bền vững:

Báo cáo phát triển bền vững đưa ra những thông tin phù hợp, để các cổ đông, khách hàng, đối tác và các bên liên quan hiểu được mục đích kinh tế dài hạn của Công ty và những đóng góp của Công ty trong phát triển bền vững của đất nước.

Báo cáo được lập theo hướng dẫn tại tài liệu Hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững, phiên bản G4, được cung cấp bởi Chương trình Môi trường Liên hợp Quốc (UNEP- United Nations Environment Programme) và của tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI - Global Reporting Initiative).

5.2.1. Nội dung báo cáo:

Báo cáo phát triển bền vững 2018 nêu lên định hướng về chiến lược đối với những vấn đề phát triển bền vững của Công ty trong những năm sắp tới, đồng thời phản ánh các kết quả hoạt động phát triển bền vững quan trọng trong năm. Báo cáo sẽ giúp Nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các bên liên quan có cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về Tầm nhìn, Chiến lược cũng như các Hoạt động cụ thể của Công ty góp phần vào sự phát triển bền vững trong các lĩnh vực Kinh tế, Xã hội và Trách nhiệm với các bên liên quan.

Báo cáo bao gồm những nội dung chính như sau:

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị về Phát triển bền vững
- Tổng quan về Báo cáo
- Định hướng chiến lược phát triển bền vững
- Gắn kết các bên liên quan & Cách thức xác định nội dung báo cáo
- Báo cáo về hoạt động phát triển bền vững năm 2018.

5.2.2. Phạm vi báo cáo:

Báo cáo Phát triển bền vững 2018 là một tài liệu tích hợp, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo Thường niên và Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty.

Báo cáo được lập định kỳ hàng năm theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2018. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của VICEM Comatce. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2018, đề cập đến định hướng và mục tiêu của VICEM Comatce trong những năm tới về vấn đề phát triển bền vững.

5.2.3. Cách xác định:

Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của VICEM Comatce xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế dài hạn của Công ty, kết hợp với mục tiêu phát triển môi trường kinh doanh và xã hội, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

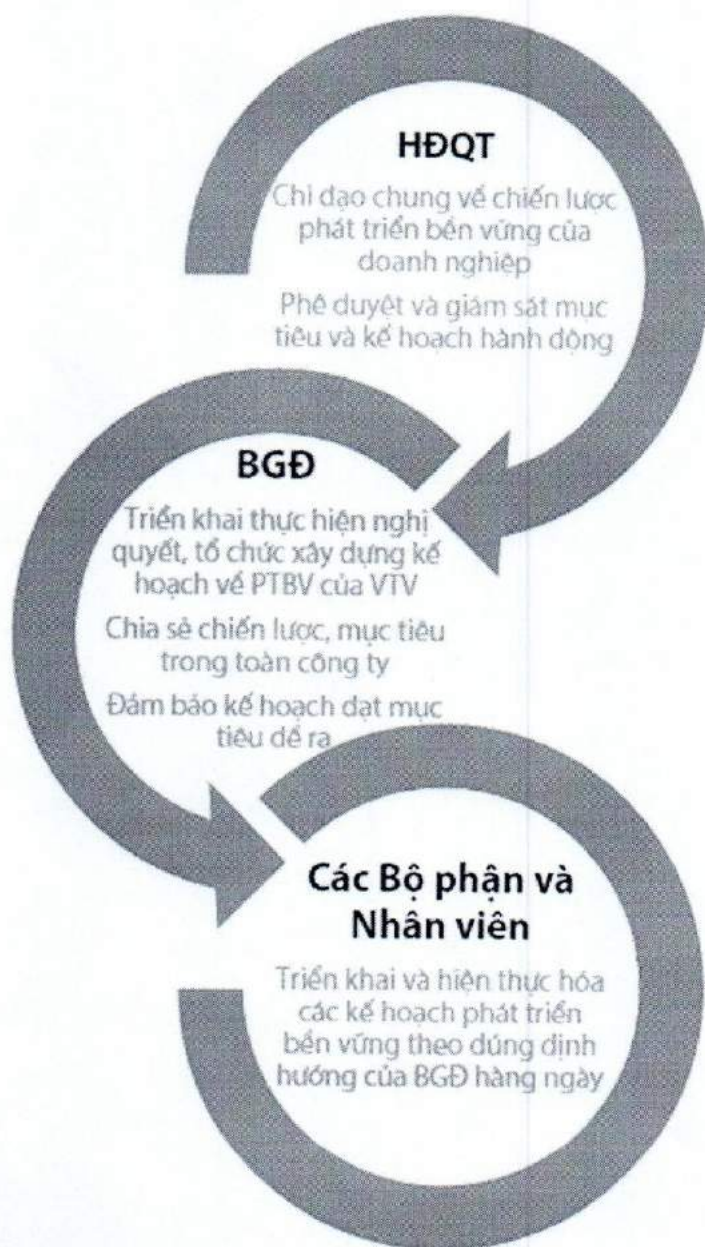
Nội dung phát triển bền vững được VICEM Comatce trao đổi với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này được VICEM Comatce tiếp tục đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại và chiến lược phát triển bền vững của Công ty, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2018.

5.2.4. Liên hệ:

Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan xin vui lòng liên hệ: Ông Phạm Ngọc Đức - Người quản trị Công ty

5.3. Định hướng phát triển bền vững

5.3.1. Mô hình quản trị:



5.3.2. Chiến lược phát triển bền vững:

Mục tiêu:

- hài hoà lợi nhuận sản xuất kinh doanh với hiệu quả kinh tế- xã hội, môi trường;
- hài hoà quyền lợi của các cổ đông, người lao động với đầu tư phát triển bền vững;

Các chính sách và giải pháp thực hiện:

• Hợp tác, chia sẻ rủi ro, khó khăn với đối tác để hướng tới hiệu quả chung cao nhất về kinh tế- xã hội và môi trường:

- Hoạt động SXKD của các đối tác cung cấp hàng hoá (than cám, phụ gia,...) và dịch vụ vận tải (sông biển) có nhiều ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái như bụi, đất thải, nước thải trong quá trình khai thác, sàng tuyển than; ô nhiễm không khí, nguồn nước do khí thải, nước thải, phế thải từ tàu biển, tàu sông;

- Công ty đã chia sẻ những khó khăn này bằng việc hợp tác mua những chủng loại hàng hoá mà đối tác khai thác, chế biến với hiệu quả kinh tế- xã hội, bảo vệ môi trường tối ưu nhất.

• Mua bán hàng hoá có nguồn gốc rõ ràng: Được sản xuất, khai thác, nhập khẩu từ các đơn vị có đăng ký kinh doanh thoả mãn theo quy định của pháp luật:

Do quản lý khai thác khoáng sản còn nhiều bất cập, nhiều mỏ than, phụ gia xi măng bị khai thác trái phép, dẫn đến môi trường bị tàn phá, ô nhiễm nguồn nước... Với việc Công ty chỉ mua than có nguồn gốc xuất xứ hợp pháp đã góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên, môi trường.

• Cung cấp vật tư thoả mãn mọi nhu cầu của các công ty xi măng trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Một số chủng loại than khai thác từ các mỏ không đáp ứng với nhu cầu của các công ty xi măng. Để giải quyết bất cập này, Công ty đã tổ chức chế biến than từ mọi nguồn than trong nước cũng như nhập khẩu để có chủng loại than phù hợp. Với giải pháp này, Công ty đã góp phần khai thác có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

• Trước khi quyết định các dự án đầu tư phải xem xét đến hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:

Một số dự án đầu tư như Dự án đầu tư toà nhà cao tầng tại Nhân Chính, Dự án đầu tư đội tàu vận tải sông, trước khi quyết định đầu tư, Công ty đều tổ chức thẩm tra, thẩm định các yếu tố liên quan đến bảo vệ môi trường như sử dụng gạch không nung; máy móc, trang thiết bị không phát thải các chất làm thủng tầng Ozon, ô nhiễm môi trường nước,...

• Trang bị máy móc thiết bị, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ để góp phần giảm ô nhiễm môi trường:

Công ty đã xây dựng các phòng thí nghiệm với các trang thiết bị tiên tiến để phân tích, kiểm tra chất lượng hàng hoá tại các kho bãi trước khi giao cho khách hàng; đảm bảo chất lượng hàng hoá ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để chạy lò, qua đó giảm thiểu sản phẩm hư hỏng, góp phần giảm ô nhiễm môi trường;

• Hài hoà, minh bạch lợi ích của các cổ đông, người lao động với đầu tư phát triển:

Việc phân chia các quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển cũng như các chi phí tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động đều được trình bày, thảo luận và thông qua tại các Đại hội đồng cổ đông thường niên. Với cách làm này quyền lợi của các cổ đông, lợi ích người lao động được đảm bảo, hài hoà, minh bạch với đầu tư phát triển dài hạn, góp phần ổn định cuộc sống lâu dài cho người lao động, ổn định sản xuất kinh doanh. Qua đó góp phần vào ổn định xã hội.

• Thực hiện trách nhiệm với xã hội

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Hàng năm Công ty đã trích từ quỹ phúc lợi, tiền lương hàng tỷ đồng để làm công tác từ thiện như ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt; phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, đóng góp vào các quỹ từ thiện...góp phần vào ổn định xã hội.

• Công ty sử dụng những cách thức giao tiếp riêng biệt, phù hợp với từng bên liên quan, tạo điều kiện để các bên có thể chia sẻ một cách đầy đủ, chân thực nhất các vấn đề họ quan tâm, kỳ vọng. Dưới đây là danh sách các bên liên quan của Công ty, phương pháp giao tiếp và khái quát một số vấn đề được quan tâm:

Các bên liên quan	Phương pháp giao tiếp		Các vấn đề quan tâm
	Cấp giao tiếp	Tần suất	
Các công ty xi măng	Chi nhánh, các phòng kinh doanh của Công ty giao tiếp với các phòng ban khách hàng	Hàng ngày	- Đánh giá về chất lượng hàng, chủng loại phương tiện vận chuyển, công tác xếp, dỡ; - Xử lý tranh chấp phát sinh.
	Lãnh đạo Công ty gặp lãnh đạo khách hàng	Hàng quý, đột xuất	Giải quyết các tồn tại phát sinh và giải pháp ngăn chặn các rủi ro ô nhiễm môi trường.
Các đơn vị vận tải	Cấp quản lý, chuyên viên các phòng ban, chi nhánh	Hàng ngày	Giải quyết các vướng mắc liên quan đến giải phóng tàu, giải quyết tranh chấp giao nhận hàng.
	Cấp lãnh đạo công ty	Hàng năm, đột xuất	Phối hợp đề ra các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
Tập đoàn than	Chi nhánh, các phòng kinh doanh giao tiếp với các phòng ban của các công ty than	Hàng ngày	Giải quyết các phát sinh liên quan đến khối lượng, chất lượng hàng.
	Lãnh đạo Công ty giao tiếp với lãnh đạo Tập đoàn, các công ty than thành viên	Hàng quý, hàng năm	Phối hợp giải quyết các vấn đề về bảo vệ môi trường.
Người lao động	Trưởng phòng ban, chi nhánh; trưởng phòng Tổ chức Lao động	Hàng ngày	Chế độ, chính sách đối với người lao động.
	Lãnh đạo Công ty	Hàng tuần, đột xuất	Giải quyết các khiếu nại liên quan đến tiền lương, đánh giá người lao động.
	Hội nghị người lao động	Hàng năm	Đề xuất các giải pháp đảm bảo, cải thiện môi trường sống và làm việc cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Cổ đông	Phòng pháp chế và quan hệ cổ đông	Thường kỳ, đột xuất	Giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông.
	Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường	Hàng năm, đột xuất	Giải quyết các vấn đề về chiến lược phát triển bền vững.

5.4. Hoạt động phát triển bền vững trong năm 2018

5.4.1. Trách nhiệm với khách hàng:

Quản lý chất lượng sản phẩm & dịch vụ

- Với khách hàng mua bán than:
 - Công ty cung cấp hàng hóa đúng tiến độ, đảm bảo khối lượng, chất lượng, giá cả cạnh tranh cũng như hoàn thiện các thủ tục chứng từ liên quan theo đúng quy định của Nhà nước. Có chính sách hỗ trợ, giảm giá, khuyến khích tiêu thụ.
 - VICEM Comatce phối hợp và hỗ trợ giải quyết các tranh chấp, đảm bảo quyền lợi giữa các bên liên quan. Các biện pháp giải quyết vấn đề cho khách hàng được lãnh đạo Công ty chỉ đạo xuyên suốt trong năm và điều chỉnh theo thực tế thực hiện của tháng, quý và biến động của thị trường.
 - Công ty đã thực hiện ký hợp đồng chiến lược với các khách hàng cung cấp như TKV để đáp ứng được mục tiêu chiến lược về năng lượng của ngành.
- Với khách hàng vận tải:
 - Nâng cao năng suất bốc xếp, giải quyết nhanh chóng các vướng mắc phát sinh để giải phóng nhanh phương tiện vận chuyên đường sông.
 - Thường xuyên trao đổi thông tin với khách hàng, đối chiếu khối lượng thực hiện theo từng quý. Giải quyết mọi sự cố và vướng mắc với khách hàng trên tinh thần thiện chí, chia sẻ khó khăn và hợp tác lâu dài.
- Với khách hàng của COMATCE TOWER:
 - Dự án COMATCE TOWER gồm căn hộ và văn phòng cho thuê thuộc phân khúc trung cao cấp.
 - Dự án nằm trên trục đường Nguyễn Như Kon Tum (Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội) tiếp giáp với các huyết mạch giao thông quan trọng của thành phố. Tòa nhà nằm trong quần thể khu đô thị mới và hiện đại bậc nhất Hà Nội với cơ sở hạ tầng đồng bộ, kiến trúc hiện đại. Bao quanh tòa nhà là nhiều khối cơ quan, hành chính sự nghiệp, ngân hàng, trường học.
 - COMATCE TOWER thiết kế rộng rãi khoa học, mỗi căn hộ đều tiếp giáp với không gian bên ngoài; phù hợp với đối tượng khách hàng dân trí cao, mong muốn có môi trường sống tốt, trong lành, thư thái.
 - Công ty xây dựng các cơ chế thanh toán phù hợp với từng đối tượng khách hàng, đối chiếu công nợ kịp thời, chính xác, tạo lòng tin cho khách hàng về uy tín và năng lực tài chính. Khách hàng được lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ khó khăn về mặt tài chính thông qua thanh toán tiền hàng... và được hoàn thiện hồ sơ chứng từ thanh toán nhanh gọn.

Cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt

- Với khách hàng mua bán than:
 - Giao dịch mua bán được tổ chức thực hiện và theo dõi theo Quy trình quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015.
 - Công ty áp dụng công nghệ hiện đại vào quá trình giao dịch và giao nhận, mua bán hàng hóa.
 - Sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và Khách hàng được đảm bảo thông suốt, liên tục. Qua đó cơ hội hợp tác được duy trì và mở rộng qua các năm.
 - Ban lãnh đạo có sự nhất trí cao, đồng thuận nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng chạy lò của nhà máy, giảm thiểu tác động đến môi trường, duy trì phát triển bền vững.
- Với khách hàng vận tải:
 - Phân chia khách hàng vận tải ra thành các nhóm: nhà cung ứng cấp 1, cấp 2, cấp 3, nhà cung ứng đặc thù và có những mức cước vận tải riêng biệt kèm theo những ràng buộc đối với từng nhóm.
 - Ngoài việc thường xuyên trao đổi, phối hợp điều hành và giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện, Công ty còn tổ chức “Hội nghị khách hàng vận tải” giải đáp các thắc mắc, những chia sẻ của khách hàng cũng như tiếp nhận các ý kiến đóng góp của khách hàng nhằm mục đích nâng cao chất lượng vận chuyển, giao, nhận hàng hóa.
- Với khách hàng của COMATCE TOWER:
 - Phối hợp với Sàn kinh doanh bất động sản xây dựng các chương trình quảng bá sản phẩm.
 - Quy trình giao dịch đối với khách hàng: Ngay từ khi có kế hoạch bán sản phẩm, bộ phận kinh doanh nhà, chăm sóc khách hàng đã làm việc với Sàn phân phối sản phẩm để xây dựng một quy trình giao dịch chuẩn để giao dịch với khách hàng: Phương pháp tiếp cận, làm việc khoa học.
 - Bám sát tiến độ triển khai dự án, các gói thầu. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thi công của các Nhà thầu đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;
 - Tạo điều kiện tối đa cho khách hàng trong các chương trình vay tín dụng, tư vấn cho khách hàng trong việc hoàn thiện các căn hộ nhận bàn giao thô.

Thúc đẩy thị trường, chia sẻ cơ hội đầu tư

- Cổ phiếu VTV đã niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam và nằm trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam nên mọi thông tin hoạt động kinh doanh đều được công bố, cập nhật theo định kỳ và phát sinh trên các trang thông tin kinh tế, chứng khoán, bất động sản.
- Công ty luôn nắm bắt cơ hội để mở rộng thị phần, nâng cao vị thế và uy tín của Công ty trong ngành.
- Trong tình hình thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn như hiện nay, để xây dựng lòng tin với khách hàng, quảng bá sản phẩm của dự án, Công ty đã kết hợp với phương tiện truyền thông như: Tổ chức các lễ khởi công, lễ cất nóc trên các trang báo điện tử...

- Xây dựng chính sách bán hàng khối văn phòng dự án linh hoạt, nhằm chia sẻ cơ hội đầu tư với các khách hàng: chính sách về giá, các khuyến mãi đi kèm.v.v.

5.4.2. Trách nhiệm với môi trường:

- Cam kết bảo vệ môi trường tại dự án xây dựng tòa nhà cao tầng tại Nhân Chính được Quận Thanh Xuân - Hà Nội chấp nhận phê duyệt.
- Trong quá trình thi công xây dựng tòa nhà cao tầng – cùng với bên B đã thực hiện tốt việc vận chuyển và đổ chất thải rắn (đất, đá) đúng với quy định.
- Tại các chi nhánh có bãi than trung chuyển: Đã sử dụng bạt che bãi, xây tường bao và phun nước chống bụi thường xuyên để hạn chế bụi ô nhiễm môi trường.
- Các đoàn sà lan của Công ty đều có đầy đủ các giấy chứng nhận xử lý khói bụi của ống xả và chất thải sinh hoạt do Cơ quan đăng kiểm Việt Nam phê duyệt đảm bảo tiêu chuẩn hoạt động tại Việt Nam và Quốc tế.

5.4.3. Trách nhiệm với cổ đông:

Để cổ đông nắm được nội dung và sắp xếp kế hoạch tham dự Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện các giải pháp, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các cổ đông được tiếp cận với các thông tin tài liệu một cách nhanh nhất bằng nhiều hình thức như: phát nhanh, thư bảo đảm, đăng tải tài liệu trên Website Công ty trước 15 ngày (Luật Doanh nghiệp – 10 ngày)

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tại địa điểm thuận lợi.
- Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn trên Website, Báo cáo thường niên để cổ đông và nhà đầu tư tìm hiểu, trích lục ...

- Thanh toán cổ tức đầy đủ, đúng hạn:

Ngày 23/7/2018 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bao gồm:

- Thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 (15%): 46.799.737.500 đồng.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (5%): 15.599.912.500 đồng.
- Tôn trọng, đảm bảo quyền lợi, đối xử công bằng với các cổ đông;
- Bảo vệ cổ đông nhỏ: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần từ 5% liên tục từ 06 tháng trở lên được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Luật Doanh nghiệp - từ 10%), được yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông và các quyền khác được quy định tại Điều 12 và Điều 15 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông tiếp cận thông tin từ Công ty: Thông tin từ website Công ty, trả lời trực tiếp, điện thoại, công văn... (khi có yêu cầu).

5.4.4. Trách nhiệm với người lao động

Chế độ chính sách đối với người lao động luôn được Công ty quan tâm thực hiện đảm bảo đúng các quy định của nhà nước và pháp luật. Đảm bảo việc làm, tiền lương bình quân đạt 13,18 triệu đồng/người/tháng. 100% người lao động được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và khám sức khỏe định kỳ, được trang bị đầy đủ Bảo hộ lao động và các trang thiết bị, điều kiện làm việc.

Tôn trọng và phát huy quyền dân chủ đối với người lao động, tạo điều kiện cho người lao động được tham gia đầy đủ các hoạt động với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”, mọi chính sách liên quan đến người lao động đều được công khai minh bạch.

- Chi quỹ phúc lợi: 3.701 triệu đồng cho người lao động vào các dịp lễ, Tết để người lao động có điều kiện được nghỉ ngơi, vui vẻ sau những ngày lao động mệt mỏi;
- Chi tiền hỗ trợ nghỉ mát 06 triệu đồng/người lao động với tổng số tiền là 1.434 triệu và người lao động được nghỉ 03 ngày hưởng nguyên lương sản phẩm.
- Chi tiền hỗ trợ trang phục cho 140 lao động gián tiếp, mức 05 triệu đồng/người, với tổng số tiền là 700 triệu đồng
- Chi quỹ phúc lợi cho người lao động và thân nhân khi có việc hiếu, hỷ với tổng số tiền là 14,05 triệu đồng;
- Chi quỹ phúc lợi và kinh phí Công đoàn cho hoạt động và quà tặng cho nữ lao động nhân các ngày 8/3, 20/10 với tổng số tiền là 64,15 triệu đồng;
- Giải quyết thủ tục cho 5 người lao động về nghỉ hưu theo chế độ. Công ty vẫn duy trì trợ cấp cho người lao động khi về hưu với khoản trợ cấp bằng 12 tháng lương cơ sở;
- Giải quyết cho 26 lao động chấm dứt HĐLĐ và chi trả trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là: 48,259 triệu đồng;
- Công ty đã đóng đầy đủ, đúng thời hạn các loại Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Giải quyết đầy đủ chế độ bảo hiểm cho người lao động như: Hưu trí, ốm đau, thai sản...
- Về điều kiện làm việc: Công ty đã trang bị đảm bảo công cụ, dụng cụ, phương tiện đi lại công tác. Lao động trực tiếp được trang bị tốt bảo hộ lao động theo ngành nghề đúng tiêu chuẩn quy định.
- Duy trì chế độ ăn ca là 33.000 đồng/người/ngày làm việc.
- Chính quyền và Công đoàn Công ty đã phối hợp xây dựng và ban hành các quy chế: Quy chế dân chủ ở cơ sở; Quy chế đối thoại tại nơi làm việc, Quy chế phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và Công đoàn. Công đoàn đã tham gia xây dựng các quy chế, quy định có liên quan đến chế độ, chính sách cho người lao động như: Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế phân phối tiền lương sản phẩm; Nội quy lao động; Đánh giá hiệu quả công việc theo KPIs, các chế độ phúc lợi, An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ...
- Công đoàn phối hợp với Chính quyền tổ chức đối thoại tại nơi làm việc khi các bên có yêu cầu.
- Tổ chức thương lượng tập thể để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động.
- Tổ chức Hội nghị người lao động để người lao động được tham gia ý kiến về sản xuất kinh doanh, chế độ, chính sách, việc làm, điều kiện làm việc và an toàn vệ sinh lao động; trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động với doanh nghiệp.
- Ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể với những điều khoản có lợi hơn cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- Công ty đã thực hiện tốt chế độ, chính sách cho người lao động và thực hiện nhiều nội dung cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; tổ chức tốt việc thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, ốm đau, tai nạn lao động, hiếu hỷ.

- Công đoàn phối hợp với chuyên môn tổ chức các phong trào thi đua trong năm 2018, xét chi khen thưởng 2018 cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích tốt trong nhiệm vụ với tổng mức khen thưởng là: 1.467 triệu đồng.

- Công đoàn chỉ đạo Ban nữ công Công ty làm tốt công tác chăm sóc thiếu niên nhi đồng, đã tổ chức phát phần thưởng, đi xem phim và liên hoan cho các cháu nhi đồng, các cháu đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết Trung thu, với tổng số tiền là 164,98 triệu đồng.

5.4.5. Trách nhiệm với xã hội:

Công ty cổ phần VICEM Vật tư vận tải xi măng, cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Chúng tôi mong muốn đóng góp để tăng chất lượng cuộc sống của tất cả người lao động của chúng tôi, gia đình họ và cộng đồng xung quanh khu vực Công ty hoạt động và công ty đã thể hiện trách nhiệm xã hội bằng những hoạt động thiết thực như:

- Ủng hộ quỹ vì người nghèo thành phố Hà Nội: 10.000.000 đồng
- Tặng quà và phụng dưỡng 01 Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở Quảng Nam với số tiền: 10,20 triệu đồng;
- Ủng hộ kinh phí cho các tổ chức từ thiện trên địa bàn nhân ngày thương binh liệt sĩ; ủng hộ các hội người tàn tật, khiếm thị, chất độc da cam nhân dịp Tết Nguyên đán...

5.4.6. Văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc:

Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đánh giá cao năng lực của mỗi cá nhân và luôn chào đón tất cả các ứng viên có tâm huyết tìm kiếm một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và hiện đại. Công ty luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn và kiến thức xã hội, nơi họ đóng góp, chia sẻ và cống hiến sức lực, trí tuệ và được hưởng những chế độ đãi ngộ tương xứng cho những giá trị cá nhân mang lại.

Là tài sản vô hình nhưng quý giá, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén, tạo nên sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường và xây dựng hình ảnh VICEM Comatce tốt đẹp trong tâm thức của đối tác, khách hàng và xã hội. Lãnh đạo Công ty luôn quyết tâm xây dựng và tạo sự chuyên biến sâu sắc hình ảnh doanh nghiệp để tạo nên sự tin cậy nơi khách hàng và ý thức, trách nhiệm với công việc của người lao động trong Công ty. Cụ thể:

- Ngay từ khi bước chân vào trụ sở làm việc của Công ty, việc quan tâm đến nơi làm việc của từng phòng ban, bộ phận đã được Lãnh đạo Công ty đưa thành tiêu chí thi đua. Dù trụ sở đã được cải tạo, sửa chữa; khu vực văn phòng được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, tạo được sự văn minh và thuận tiện cho khách khi đến Công ty giao dịch.

- Kỷ luật lao động được duy trì nghiêm túc và chặt chẽ. Đảm bảo thời gian làm việc và nghỉ ngơi thỏa đáng theo đúng luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể đã quy định.

- Tác phong, trang phục cũng được Lãnh đạo Công ty quan tâm trang bị và nhắc nhở nhằm giữ gìn và duy trì hình ảnh của Công ty trong mắt bạn hàng.

- Xây dựng nếp sống Văn minh nơi công sở. Không khạc nhổ, vứt rác bừa bãi. Có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Không nói tục, chửi bậy khi giao tiếp với khách hàng cũng

như đồng nghiệp. Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm để phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của từng thành viên.

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được. Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo hướng đoàn kết vì một VICEM Comatce không ngừng đổi mới để phát triển, hội nhập để thành công. Đóng góp thiết thực vào sự phát triển của một VICEM ngày càng vững mạnh.

Công ty luôn hiểu rằng sự thành công trong kinh doanh không chỉ là nhờ vào các sản phẩm, dịch vụ của công ty, mà còn nhờ vào sự đóng góp của những con người trong Công ty - đó là tài sản quan trọng nhất đối với Công ty. Với kết quả kinh doanh xuất sắc năm 2018, Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng đang hướng tới trở thành một địa chỉ tin tưởng cho khách hàng, một nơi làm việc mong ước.

Công ty luôn hướng tới môi trường làm việc bình đẳng, hòa đồng, thân thiện. Với tinh thần thượng tôn kỷ cương, kỷ luật lao động, quyết liệt, đổi mới và nhiệt huyết trong công việc với chủ đề “Vì một VICEM Comatce: Đổi mới, Kỷ cương và Phát triển bền vững”. Phát huy những giá trị cốt lõi, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty đề cao và nuôi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, trong đó hoạt động kinh doanh, dịch vụ đang được thực hiện phù hợp với các giá trị văn hóa, đạo đức và truyền thống của xã hội Việt Nam. Ngoài mức lương thưởng và lợi ích cạnh tranh thì đây là một trong những yếu tố quan trọng để giữ chân những người có tâm huyết và thu hút nhân tài đến với công ty.

Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng luôn cố gắng tạo ra văn hóa của Công ty để xây dựng môi trường làm việc tốt đẹp. Nói cách khác, Công ty không ngừng nỗ lực nâng cao tiêu chuẩn làm việc của mỗi nhân viên trong công ty.

Chúng tôi cam kết đạt được sự tăng trưởng bền vững trong kinh doanh, dịch vụ thông qua đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc với tinh thần và trách nhiệm cao và xây dựng niềm tin tưởng ở khách hàng, với các giá trị:

- Chúng tôi phải luôn luôn phấn đấu.
- Luôn quan tâm tới khách hàng và môi trường chúng ta đang sống.
- Chỉ bán những sản phẩm với giá trị thực của chúng.
- Phát biểu một cách trung thực và thẳng thắn.
- Cân đối giữa những thành quả ngắn hạn và chiến lược dài hạn.
- Chiến thắng bằng sự đa dạng và không phân biệt đối xử.
- Tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau thành công.

6. Báo cáo tài chính:

Công ty đã lập báo cáo tài chính 2018 theo quy định, trong báo cáo đã trình bày đủ các nội dung bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

- Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán

(Đính kèm báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán)

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố thông tin trên trang **website:**

vtvxm.vn



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY



Huỳnh Trung Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.151.642.394.525	1.101.334.860.019
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.116.752.660	107.096.332.487
1. Tiền	111	5	27.116.752.660	107.096.332.487
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		662.385.396.805	624.416.785.378
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	623.227.979.710	579.175.216.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.069.138.311	43.726.802.934
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.088.278.784	1.514.766.361
III. Hàng tồn kho	140	8	415.826.510.547	319.678.600.891
1. Hàng tồn kho	141		415.826.510.547	319.678.600.891
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.313.734.513	50.143.141.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	839.013.622	1.074.020.672
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.474.720.891	49.019.745.876
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	49.374.715
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.596.170.418	562.054.432.914
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	70.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		28.727.482.873	28.405.437.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	25.729.640.526	27.338.548.527
- Nguyên giá	222		48.733.464.653	48.071.110.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.003.824.127)	(20.732.562.310)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	2.012.286.794	-
- Nguyên giá	225		2.375.158.182	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(362.871.388)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	985.555.553	1.066.888.889
- Nguyên giá	228		1.239.593.360	1.239.593.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(254.037.807)	(172.704.471)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	250.676.313.005	-
- Nguyên giá	231		256.151.009.957	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.474.696.952)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	528.880.410.344
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	528.880.410.344
VI. Tài sản dài hạn khác	260		122.374.540	4.768.585.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	110.121.137	3.437.294.699
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		12.253.403	1.331.290.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.431.238.564.943	1.663.389.292.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		992.224.652.088	1.180.408.767.565
I. Nợ ngắn hạn	310		946.939.949.145	1.126.327.358.811
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	111.245.441.811	121.889.639.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.236.801.826	133.412.762.096
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.110.690.549	3.424.999
4. Phải trả người lao động	314		8.143.556.361	7.709.837.128
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	16.961.943.585	4.468.523.479
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	2.083.242.790	87.272.727
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.921.351.984	3.316.055.251
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	787.125.000.000	852.280.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.111.920.239	3.159.843.738
II. Nợ dài hạn	330		45.284.702.943	54.081.408.754
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	43.054.362.961	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.136.589.982	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.093.750.000	54.081.408.754
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		439.013.912.855	482.980.525.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	439.013.912.855	482.980.525.368
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.998.250.000	311.998.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		311.998.250.000	311.998.250.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.686.191.024	75.584.571.562
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	12.101.619.462
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.329.471.831	83.296.084.344
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.732.948.344	83.296.084.344
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.596.523.487	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.431.238.564.943	1.663.389.292.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.444.077.235.545 ✓	3.893.362.485.729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.444.077.235.545 ✓	3.893.362.485.729 ✓
4. Giá vốn hàng bán	11	24	3.087.176.435.265 ✓	3.566.654.200.611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		356.900.800.280	326.708.285.118
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	26.224.340.008	26.751.984.158
7. Chi phí tài chính	22	26	51.803.098.932	43.578.964.884
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.794.044.855	55.032.837.062
8. Chi phí bán hàng	25	27	196.009.454.640	218.050.750.803
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	41.824.194.099	51.425.711.473
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		93.488.392.617	40.404.842.116
11. Thu nhập khác	31	28	6.067.543.225	112.186.202.813
12. Chi phí khác	32	29	48.454.708.622	9.447.718.869
13. Lợi nhuận khác	40		(42.387.165.397)	102.738.483.944
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.101.227.220	143.143.326.060
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	18.585.754.181	29.100.189.520
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.319.037.052	(452.772.804)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.196.435.987	114.495.909.344
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.000 ✓	3.261 ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2018	2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.101.227.220 ✓	143.143.326.060 ✓
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.217.147.643	1.185.912.217
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.439.720)	32.667.204
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(252.073.397)	(91.428.892.852)
- Chi phí lãi vay	06	51.794.044.855	55.032.837.062
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(11.595.700.075)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	110.852.906.601 ✓	96.370.149.616 ✓
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.444.211.727)	31.541.522.711
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	241.624.790.836	168.093.509.062
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11	(82.942.415.548)	(225.285.396.056)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.562.180.612	711.336.364
- Tiền lãi vay đã trả	14	(53.680.489.816)	(57.013.216.294)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.425.688.917)	(29.450.846.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	150.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.811.321.999)	(6.062.684.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	164.735.750.042 ✓	(20.945.624.666) ✓
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(61.145.407.936) ✓	(121.202.852.717)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	91.113.203.454
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	260.542.883	315.689.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.884.865.053) ✓	(29.773.959.865) ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.975.700.000.000	3.826.893.754.708
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.095.461.408.754)	(3.636.743.542.606)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(756.408.182)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(63.320.087.600)	(54.728.299.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(183.837.904.536)	135.421.912.302
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(79.987.019.547)	84.702.327.771
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	107.096.332.487	22.426.671.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	7.439.720	(32.667.204)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.116.752.660 /	107.096.332.487 ✓

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2006; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0100106352 ngày 24/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 311.998.250.000 đồng, tương đương 31.199.825 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nguyên liệu phi kim loại dùng cho sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...) và bán buôn tro bay; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác các khoáng chất khác dùng làm phụ gia sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...);
- Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội;
- Kinh doanh khai thác, chế biến xylitol và phế liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng và các nhu cầu khác của xã hội;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (than đá và nhiên liệu rắn khác);
- Bán buôn kim loại dùng cho sản xuất xi măng (quặng sắt, bô xít, silic,...); Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán trực tiếp nhiên liệu, giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng, đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ), bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng);
- Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tổ chức của Công ty bao gồm trụ sở chính tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch	Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh	Tổ 5 K12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
3	Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Tổ dân phố Thăng Lợi, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
4	Văn phòng đại diện tại Phú Thọ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
5	Chi nhánh Công ty tại Bim Sơn	Số 61, đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
6	Chi nhánh Công ty tại Hà Nam	La Mát, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai	Khối 6 Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
8	Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình	Đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
9	Đoàn vận tải	Số 24, phố Chợ Cũ, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
10	Văn phòng đại diện phía Nam	Số 25/1 đường số 4BK, phường Bình Khánh, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Thuê tài sản được xác định là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Công ty ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (nếu giá trị này thấp hơn giá trị hợp lý) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải (ô tô) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại chi nhánh Hải Phòng. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty bao gồm 06 sản thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm</u>
Quyền sử dụng đất (*)	-
Phần mềm máy tính	03
Nhà cửa, vật kiến trúc	42,5
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	10 - 15

(*): Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower của Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí liên quan đến hoạt động bán nhà qua sàn giao dịch bất động sản chờ phân bổ, được phân bổ vào kết quả kinh doanh phù hợp với doanh thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

Các khoản nợ phải trả

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán...

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê bất động sản đầu tư; được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa

(trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; chiết khấu thanh toán; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 -

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ B
VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	71.040.000	163.235.500
Tiền gửi ngân hàng	27.045.712.660	106.933.096.987
Cộng	<u>27.116.752.660</u>	<u>107.096.332.487</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	178.738.406.322	201.613.754.378
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	54.570.710.346	100.370.884.505
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	111.979.471.410	67.461.496.092
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	122.186.905.406	52.397.910.394
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	54.515.384.101	48.879.951.926
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	49.781.544.003	39.887.929.664
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	26.156.995.413	38.087.878.702
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	-	30.455.634.029
Các khoản phải thu khách hàng khác	25.298.562.709	19.776.393
Cộng	<u>623.227.979.710</u>	<u>579.175.216.083</u>

Phải thu khách hàng là bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ B
VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	178.738.406.322	201.613.754.378
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	54.570.710.346	100.370.884.505
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	111.979.471.410	67.461.496.092
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	122.186.905.406	52.397.910.394
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	54.515.384.101	48.879.951.926
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	49.781.544.003	39.887.929.664
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	26.156.995.413	38.087.878.702
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	-	30.455.634.029

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.088.278.784	-	1.514.766.361	-
Thuế thu nhập cá nhân	246.288.952	-	625.317.881	-
Bảo hiểm xã hội	4.750.244	-	210.885.037	-
Tạm ứng	529.517.306	-	407.296.956	-
Phạt hao hụt hàng hóa	169.396.335	-	184.450.306	-
Phải thu khác	138.325.947	-	86.816.181	-
Dài hạn	70.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	70.000.000	-	-	-
Cộng	1.158.278.784	-	1.514.766.361	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	316.592.168	-	266.287.689	-
Thành phẩm bất động sản (*)	142.820.987.571	-	-	-
Hàng hoá	272.688.930.808	-	319.412.313.202	-
Cộng	415.826.510.547	-	319.678.600.891	-

(*): Thành phẩm của Công ty bao gồm giá trị xây dựng và quyền sử dụng đất phân bổ cho hàng hóa bất động sản là các căn hộ thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Nguyễn Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (Xem thêm Thuyết minh số 11).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ B
VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	839.013.622	1.074.020.672
Chi phí mua bảo hiểm	150.191.403	181.281.580
Chi phí bán nhà dự án Dự án tòa nhà Comatce	58.962.090	739.439.092
Chi phí sửa chữa	629.860.129	-
Các khoản chi phí khác	-	153.300.000
Dài hạn	110.121.137	3.437.294.699
Chi phí bán nhà dự án Dự án tòa nhà Comatce	-	3.437.294.699
Các khoản chi phí khác	110.121.137	-
Cộng	949.134.759	4.511.315.371

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Thuê trong năm	2.375.158.182	2.375.158.182
Tại ngày 31/12/2018	2.375.158.182	2.375.158.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Khấu hao trong năm	362.871.388	362.871.388
Tại ngày 31/12/2018	362.871.388	362.871.388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2018	-	-
Tại ngày 31/12/2018	2.012.286.794	2.012.286.794

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công trình Dự án tòa nhà Comatce (*)	-	528.528.730.198
Dự án đóng mới sà lan	-	351.680.146
Cộng	-	528.880.410.344

(*): Dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng, viết tắt là Comatce Tower” (Dự án) tại địa điểm số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được đầu tư theo Số 722/QĐ-VTVT ngày 03/9/2009 và Quyết định số 433/QĐ-VTVT ngày 25/04/2012 của Hội đồng quản trị Công ty. Trong năm 2018, Công ty tiến hành bàn giao các căn hộ thuộc Dự án cho khách hàng, đồng thời đưa vào khai thác 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc sở hữu riêng của Công ty (Bất động sản đầu tư cho thuê). Công ty đang tiến hành thủ tục quyết toán dự án đầu tư xây dựng hoàn thành theo quy định. Giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng Dự án phát sinh được Công ty phân bổ và ghi nhận vào thành phẩm (đối với hàng hóa bất động sản) và bất động sản đầu tư căn cứ vào mục đích sử dụng tương ứng với phần diện tích của các căn hộ để bán và diện tích phần sở hữu riêng để cho thuê của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**B****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	6.671.167.988	2.060.540.293	39.019.587.102	319.815.454	48.071.110.837
Mua trong năm	-	214.000.000	-	39.081.818	253.081.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	444.725.634	-	444.725.634
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(35.453.636)	(35.453.636)
Tại ngày 31/12/2018	6.671.167.988	2.274.540.293	39.464.312.736	323.443.636	48.733.464.653
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	5.004.961.161	1.156.347.584	14.322.674.297	248.579.268	20.732.562.310
Khấu hao trong năm	215.035.340	258.599.025	1.786.393.497	38.218.105	2.298.245.967
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(26.984.150)	(26.984.150)
Tại ngày 31/12/2018	5.219.996.501	1.414.946.609	16.109.067.794	259.813.223	23.003.824.127
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	1.666.206.827	904.192.709	24.696.912.805	71.236.186	27.338.548.527
Tại ngày 31/12/2018	1.451.171.487	859.593.684	23.355.244.942	63.630.413	25.729.640.526
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng	2.653.549.430	921.045.112	13.735.481.092	204.625.454	17.514.701.088

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ B
VẬN TÀI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018	389.593.360	850.000.000	1.239.593.360
Tại ngày 31/12/2018	<u>389.593.360</u>	<u>850.000.000</u>	<u>1.239.593.360</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2018	172.704.471	-	172.704.471
Khấu hao trong năm	81.333.336	-	81.333.336
Tại ngày 31/12/2018	<u>254.037.807</u>	<u>-</u>	<u>254.037.807</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	<u>216.888.889</u>	<u>850.000.000</u>	<u>1.066.888.889</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u><u>135.555.553</u></u>	<u><u>850.000.000</u></u>	<u><u>985.555.553</u></u>

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 VND
NGUYÊN GIÁ	-	256.151.009.957	-	256.151.009.957
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	154.703.088.030	-	154.703.088.030
Cơ sở hạ tầng	-	50.501.928.553	-	50.501.928.553
Quyền sử dụng đất	-	50.945.993.374	-	50.945.993.374
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	5.474.696.952	-	5.474.696.952
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	2.567.761.491	-	2.567.761.491
Cơ sở hạ tầng	-	2.906.935.461	-	2.906.935.461
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	250.676.313.005	-	250.676.313.005
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	152.135.326.539	-	152.135.326.539
Cơ sở hạ tầng	-	47.594.993.092	-	47.594.993.092
Quyền sử dụng đất	-	50.945.993.374	-	50.945.993.374

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	29.914.699.896	29.914.699.896	27.402.766.439	27.402.766.439
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Khoáng sản - Than Đông Bắc - Xi nghiệp	1.528.062.679	1.528.062.679	31.680.927.222	31.680.927.222
Chế biến Kinh doanh than Hải Phòng				
Công ty TNHH Long Sơn	9.456.535.267	9.456.535.267	16.677.415.528	16.677.415.528
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	5.270.184.731	5.270.184.731	10.082.849.152	10.082.849.152
Xi nghiệp khai thác khoáng sản 16 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV 16	20.994.743.530	20.994.743.530	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	44.081.215.708	44.081.215.708	36.045.681.052	36.045.681.052
Cộng	111.245.441.811	111.245.441.811	121.889.639.393	121.889.639.393

Phải trả người bán là các bên liên quan

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
 Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch
 Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	21.661.596.227	21.661.596.227	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.374.715)	18.585.754.181	18.585.754.181	12.425.688.917	6.110.690.549	6.110.690.549	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.424.999	1.701.177.753	1.701.177.753	1.704.602.752	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.723.694.468	1.723.694.468	1.723.694.468	-	-	-	-
Các khoản khác	-	48.192.216.941	48.192.216.941	48.192.216.941	-	-	-	-
Cộng	(45.949.716)	91.864.439.570	91.864.439.570	85.707.799.305	6.110.690.549	6.110.690.549	-	6.110.690.549

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.106.073.693	2.992.518.654
Chi phí vận chuyển	2.336.149.157	1.366.004.825
Giá vốn bất động sản đã bán	13.428.040.811	-
Chi phí phải trả khác	91.679.924	110.000.000
Cộng	<u>16.961.943.585</u>	<u>4.468.523.479</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty phản ánh tiền cho thuê văn phòng nhận trước của các khách hàng tại Dự án Comatce Tower. Số tiền cho thuê nhận trước từ 01 năm trở xuống được phân loại là doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, tiền cho thuê nhận trước từ trên 01 năm được phân loại là doanh thu chưa thực hiện dài hạn.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	5.921.351.984	3.316.055.251
Kinh phí công đoàn	189.176	21.990.882
Bảo hiểm y tế	-	105.038.351
Bảo hiểm thất nghiệp	-	5.063.829
Phải trả về cổ tức	1.653.881.397	2.574.318.997
Kinh phí bảo trì của Tòa nhà Comatce	4.003.502.816	-
Nhận đặt cọc, ký quỹ	20.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.778.595	609.643.192
Dài hạn	1.136.589.982	-
Nhận đặt cọc, ký quỹ	1.136.589.982	-
Cộng	<u>7.057.941.966</u>	<u>3.316.055.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	852.280.000.000	852.280.000.000	2.981.197.500.000	3.046.352.500.000	787.125.000.000	787.125.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	410.000.000.000	410.000.000.000	933.200.000.000	1.137.000.000.000	206.200.000.000	206.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (2)	198.000.000.000	198.000.000.000	351.600.000.000	376.600.000.000	173.000.000.000	173.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (3)	60.000.000.000	60.000.000.000	643.400.000.000	505.000.000.000	198.400.000.000	198.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)	95.000.000.000	95.000.000.000	386.500.000.000	404.500.000.000	77.000.000.000	77.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (5)	63.000.000.000	63.000.000.000	581.000.000.000	512.000.000.000	132.000.000.000	132.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000	80.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	6.280.000.000	6.280.000.000	4.710.000.000	10.990.000.000	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	-	-	787.500.000	262.500.000	525.000.000	525.000.000
Vay dài hạn	54.081.408.754	54.081.408.754	2.581.180.000	55.568.838.754	1.093.750.000	1.093.750.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	54.081.408.754	54.081.408.754	-	54.081.408.754	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	-	-	2.581.180.000	1.487.430.000	1.093.750.000	1.093.750.000
Cộng	906.361.408.754	906.361.408.754	2.983.778.680.000	3.101.921.338.754	788.218.750.000	788.218.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT128-VICEM ngày 29/10/2018 với hạn mức cho vay là 450 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản vay theo từng giấy nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất áp dụng theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo khoản vay là các tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính của Công ty, số 21B Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.
- (2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 17032.18.051.441555.TD ngày 30/05/2018 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 15/05/2019. Các khoản vay theo từng khe ước nhận nợ có thời hạn không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay theo từng khe ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/1373916/HĐTD ngày 21/11/2018 với hạn mức cho vay là 400 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/09/2019. Lãi suất và lịch trả nợ được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HK1-HĐCTD/18087 ngày 22/11/2018 với hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay theo từng khe ước nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1906/2018/HĐTD ngày 19/06/2018 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo mức lãi suất thỏa thuận cụ thể tại từng Khe ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01007/2018/TSC-CTTC ngày 26/01/2018. Giá trị tài sản cho thuê là ô tô Toyota Landcruiser Prado 30F-053.85 trị giá 2.581.180.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Kể từ ngày lãi suất hết hiệu lực, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Bên cho thuê tài chính cộng 2,5%/năm nhưng ko thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung hạn của Ngân hàng quy định trong từng kỳ và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày tài sản được bán giao. Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng là việc Bên thuê chuyển cho Bên cho thuê tài chính số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng.

Kế hoạch trả các khoản nợ dài hạn chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	525.000.000	6.280.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.093.750.000	30.681.408.754
Sau năm năm	-	23.400.000.000
Cộng	1.618.750.000	60.361.408.754
Nợ dài hạn đến hạn trả	525.000.000	6.280.000.000
Vay và nợ dài hạn	1.093.750.000	54.081.408.754

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	311.998.250.000	70.437.746.061	12.101.619.462	36.977.310.501
Lãi trong năm	-	-	-	114.495.909.344
Trích các quỹ	-	3.971.182.958	-	(10.841.807.958)
Trích lập quỹ theo kết luận kiểm toán nhà nước	-	1.175.642.543	-	(1.175.642.543)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(24.959.860.000)
Tạm chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(31.199.825.000)
Tại ngày 01/01/2018	311.998.250.000	75.584.571.562	12.101.619.462	83.296.084.344
Lãi trong năm	-	-	-	31.196.435.987
Trích lập các quỹ	-	-	-	(12.763.398.500)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(46.799.737.500)
Tặng quỹ Đầu tư phát triển từ Quỹ khác	-	12.101.619.462	(12.101.619.462)	-
Tạm chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(15.599.912.500)
Tại ngày 31/12/2018	311.998.250.000	87.686.191.024	-	39.329.471.831
				482.980.525.368
				431.514.926.024

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 694/2018/NQ - DHĐCĐ ngày 24/04/2018 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.763.398.500 đồng, trong đó thưởng Ban điều hành 256.500.000 đồng và thưởng người lao động 12.506.898.500 đồng.
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển từ Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu: 12.101.619.462 đồng.
- Chia cổ tức: 77.999.562.500 đồng, trong đó đã tạm phân phối trong năm 2017 là 31.199.825.000 đồng và phân phối trong năm 2018 là 46.799.737.500 đồng (tương ứng 25% vốn điều lệ).

Theo Nghị quyết HĐQT số 1007/2018/NQ – HĐQT ngày 13/06/2018, Công ty đã thống nhất tạm ứng cổ tức của năm 2018 với số tiền 15.599.912.500 đồng (tương ứng 5% vốn điều lệ).

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ góp vốn	31/12/2018	01/01/2018
	%	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	62,95	196.417.210.000	196.417.210.000
Các cổ đông khác	37,05	115.581.040.000	115.581.040.000
Cộng	100	311.998.250.000	311.998.250.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	311.998.250.000	311.998.250.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	311.998.250.000	311.998.250.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	62.399.650.000	56.159.685.000

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.199.825	31.199.825
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.199.825	31.199.825
- Cổ phiếu phổ thông	31.199.825	31.199.825
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.199.825	31.199.825
- Cổ phiếu phổ thông	31.199.825	31.199.825
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	931.164.865	931.164.865
Ngoại tệ các loại		
- USD	19.372,14	1.124.133,70

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	3.186.811.355.725	3.875.971.650.431
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.302.680.995	17.390.835.298
Doanh thu bất động sản	245.963.198.825	-
Cộng	<u>3.444.077.235.545</u>	<u>3.893.362.485.729</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	787.362.967.493	689.093.312.990
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	680.296.601.476	640.870.564.631
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	598.558.869.251	472.394.844.423
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	264.386.884.154	314.146.007.873
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	410.358.201.222	458.737.367.588
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	250.490.000.912	311.032.981.528
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	195.357.831.217	320.807.208.768
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	-	124.703.555.485
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	-	543.271.894.781
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	538.350.540	656.695.040

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hoá đã bán	2.872.357.557.364	3.554.688.096.655
Giá vốn dịch vụ cung cấp	10.362.801.207	11.966.103.956
Giá vốn bất động sản	204.456.076.694	-
Cộng	<u>3.087.176.435.265</u>	<u>3.566.654.200.611</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	260.542.883	315.689.398
Lãi chênh lệch tỷ giá	194.764.578	28.094.933
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	25.769.032.547	26.363.840.400
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	44.359.427
Cộng	<u>26.224.340.008</u>	<u>26.751.984.158</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	51.794.044.855	55.032.837.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.054.077	141.827.897
Hoàn nhập lãi chậm trả Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	(11.595.700.075)
Cộng	51.803.098.932	43.578.964.884

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí bán hàng	196.009.454.640	218.050.750.803
Chi phí nhân công	21.802.020.119	22.255.371.621
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	3.053.005.795	1.913.915.927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.166.686.726	945.102.771
Chi phí vận chuyển	135.519.263.590	165.200.341.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.822.206.461	9.555.856.652
Chi phí khác bằng tiền	24.646.271.949	18.180.162.648
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.824.194.099	51.425.711.473
Chi phí nhân công	20.946.165.162	21.696.846.178
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	401.613.045	2.122.774.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.763.965	240.809.446
Thuế, phí và lệ phí	1.735.694.468	1.918.499.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.114.174.206	1.835.507.762
Chi phí khác bằng tiền	16.050.783.253	23.611.273.189
Cộng	237.833.648.739	269.476.462.276

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	95.825.454.545
Tiền phạt thu được	5.415.804.032	11.373.320.718
Các khoản khác	651.739.193	4.987.427.550
Cộng	6.067.543.225	112.186.202.813

29. CHI PHÍ KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ	8.469.486	-
Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất tại dự án Comatce (*)	48.173.598.101	-
Các khoản bị phạt	6.600.000	2.422.726.253
Các khoản khác	266.041.035	7.024.992.616
Cộng	48.454.708.622	9.447.718.869

(*) Theo Thông báo số 16764/TB07-CCT ngày 06/10/2015 của Chi cục thuế quận Thanh Xuân, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền chậm nộp tiền sử dụng đất tại Dự án Comatce - Phố Ngụy Như Kon Tum, thành phố Hà Nội với số tiền khoảng 48 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã gửi công văn tới Cục thuế Thành phố Hà Nội và Bộ Tài chính xem xét và hướng dẫn về việc đề nghị gia hạn nộp tiền sử dụng đất của Dự án và không tính tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo như văn bản của Chi cục thuế quận Thanh Xuân nêu trên. Trong khi chờ văn bản chính thức từ Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính về việc gia hạn nộp khoản tiền nói trên Công ty đã nộp đủ số tiền chậm nộp 48 tỷ đồng và ghi nhận vào chi phí trong năm.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.454.618.840	11.966.103.956
Chi phí nhân công	42.748.185.281	43.952.217.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.217.147.643	1.185.912.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.775.126.421	176.591.705.598
Chi phí khác bằng tiền	44.001.371.761	47.746.626.662
Cộng	248.196.449.946	281.442.566.232

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.101.227.220	143.143.326.060
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	48.422.728.941	93.757.519
- Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	48.422.728.941	93.757.519
Tổng Thu nhập chịu thuế	99.523.956.161	143.237.083.579
<i>Trong đó chi tiết theo hoạt động :</i>		
Hoạt động chuyển nhượng Bất động sản (BDS)		
- Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng BĐS	35.161.886.612	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (a)	7.032.377.323	-
Hoạt động kinh doanh thông thường		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	64.362.069.549	143.237.083.579
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (b)	12.872.413.910	28.647.416.716
Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ thu tiền các hợp đồng mua bán căn hộ (c)	704.535.402	452.772.804
Thuế TNDN 1% đã nộp được hoàn trong năm (d)	(2.023.572.454)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (a+b+c+d)	18.585.754.181	29.100.189.520

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(704.535.402)	(452.772.804)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.023.572.454	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.319.037.052	(452.772.804)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.196.435.987	114.495.909.344
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	12.763.398.500
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.196.435.987	101.732.510.844
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.199.825	31.199.825
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.000	3.261

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 đã được trình bày lại sau khi loại trừ đi khoản lợi nhuận đã được dùng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con của Vicem
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con của Vicem
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của Vicem

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.657.014.845	963.206.302
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	-	21.817.654.268
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Phí gom vệt than)	141.936.777	114.157.059
Thu phạt		
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	120.374.178	46.831.773
Phí dôi nhật lưu bến sà lan		
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	-	1.490.685.520
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam		
Phí tư vấn chuyên giao công nghệ	5.166.115.853	5.840.043.729
Chi phí lãi vay	-	908.383.561
Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban giám đốc	2.437.693.983	2.565.719.756

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.116.752.660	107.096.332.487
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	623.781.990.944	580.071.800.451
Cộng	<u>650.898.743.604</u>	<u>687.168.132.938</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	117.166.793.795	125.095.592.464
Chi phí phải trả	16.961.943.585	4.468.523.479
Vay và nợ thuê tài chính	788.218.750.000	906.361.408.754
Cộng	<u>922.347.487.380</u>	<u>1.035.925.524.697</u>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số các giao dịch mua hàng, bán hàng bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính	449.469.259	25.483.610.924
Tiền và các khoản tương đương tiền	449.469.259	25.483.610.924
Cộng	<u>449.469.259</u>	<u>25.483.610.924</u>
Công nợ tài chính	-	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>449.469.259</u>	<u>25.483.610.924</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2018			
Phải trả người bán và phải trả khác	117.166.793.795	-	-
Chi phí phải trả	16.961.943.585	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	787.125.000.000	1.093.750.000	-
Cộng	921.253.737.380	1.093.750.000	-
Tại ngày 01/01/2018			
Phải trả người bán và phải trả khác	125.095.592.464	-	-
Chi phí phải trả	4.468.523.479	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	852.280.000.000	30.681.408.754	23.400.000.000
Cộng	981.844.115.943	30.681.408.754	23.400.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.